

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
RỦI RO THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI DỰA VÀO CÔNG ĐỒNG
Xã Điền Lộc, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Điền Lộc là xã thuộc vùng Ngũ Điền, huyện Phong Điền, Thừa Thiên - Huế, cách thành phố Huế khoảng 50 km về hướng Tây Nam.

- **Dân số:** 6048 người
- **Tổng diện tích:** 13.93 km², Loại đơn vị hành chính: Loại I
 - + Phía Đông giáp xã Điền Hoà và biển Đông.
 - + Phía Tây giáp xã Phong Chương và xã Điền Môn.
 - + Phía Nam giáp xã Điền Hoà và phá Tam Giang.
 - + Phía Bắc giáp xã Điền Môn và biển Đông

2. Đặc điểm địa hình

Là xã thuộc vùng ven biển, chạy dọc bờ biển là tuyến đường Quốc phòng đi qua hai thôn Tân Hội và Thôn Mỹ Hòa cách bờ biển 500m. Từ trung tâm xã và các thôn phụ cận gồm 05 thôn nối liền với hai thôn vùng biển dọc tuyến đường Quốc lộ 49B. Toàn xã có 07 thôn, riêng thôn Giáp Nam có hai khu vực là Đội Vận chuyển và Khu vực Hòa Xuân giáp bờ sông Ô Lâu và cách nhau một cây cầu Hòa Xuân

- Có hai thôn vùng biển là thôn Mỹ hòa và Tân Hội dễ bị chia cắt với Trung tâm khi có mưa lũ lớn do các đập tràn nước các khe nước dâng chảy xiết nên việc giao thông đi lại bị ảnh hưởng.
- Khu vực Hòa Xuân và Đội Vận chuyển thuộc thôn Giáp Nam là những vùng thấp trũng dễ bị chia cắt.

Đặc điểm thủy văn

- Thuộc Hạ lưu sông Ô Lâu rẽ nhánh

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

3. TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	25		Tăng 1,9°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39	T5-T7	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20	T11-T12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	Mm	580-795	T10-T11	Tăng thêm khoảng 18,6 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	Nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng vào t6 đến T8

2	<i>Xu hướng bão</i>			X	Bất ngờ, ngày càng mạnh, 15 đến 16 cơn năm
3	<i>Xu hướng lũ</i>			X	Bất ngờ, lớn nhanh vào ban đêm, ngày càng mạnh
4	<i>Số ngày rét đậm</i>			X	Nhảy trong đợt tang, T12 đến Tháng 01 năm sau
5	<i>Mức nước biển tại các trạm hải văn</i>			X	Tăng 25cm
	<i>Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão</i>			X	Vd: 0,86 % diện tích - 514.080 ha
	<i>Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sạt lún đất, động đất, sóng thần)</i>				Giông, lốc, sét, sạt lở bờ biển tăng

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Nhất Đông	165	37	750	397	353	11	20
2	Nhi Đông	131	31	715	371	344	9	7
3	Nhi Tây	143	42	689	327	362	10	5
4	Nhất Tây	282	102	1266	753	513	15	12
5	Giáp Nam	250	127	1555	855	700	18	17
6	Tân Hội	87	23	334	183	161	9	5
7	Mỹ Hòa	130	27	739	389	350	12	6
TỔNG		1188	389	6048	3275	2773	84	72

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1363,4
1	Nhóm đất Nông nghiệp	
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	753,8
1.1.1	Đất lúa nước	641
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	3,5
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	2
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	17,3
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	262,2
1.2.1	Đất rừng sản xuất	56,47
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	142,5
1.2.3	Đất rừng trồng mới	63
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	92,26
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	27
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	65,26
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	255,14
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	0
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	6%
	- Đất ở	15%

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	5,78	876	14,6 triệu/năm	3,3%
2	Chăn nuôi	4,94	1.020	11,5 triệu/năm	55
3	Nuôi trồng thủy sản	55,77	219	250 triệu/(ha)	30
4	Đánh bắt hải sản	10	314	2,5 (tấn)	30
5	Buôn bán, du lịch (thương mại dịch vụ)	6,86	150	60 triệu/năm	89%
6	Xây dựng và công nghiệp	11,73	287	107 triệu/năm	60%
7	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	4,92		40 triệu/năm	50

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng /năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính		Số lượng	
1999	Lũ ngập lụt	5 thôn	Nhất Đông, Nhì Đông, Nhất Tây, Nhì Tây, Giáp Nam	1.Số người chết/mất tích:	Nam	Nữ	
				2.Số người bị thương:	0	0	
				3.Số nhà bị thiệt hại:	100% số nhà bị ngập, trôi 10 nhà		
				4.Số trường học bị thiệt hại:	3		
				5.Số trạm y tế bị thiệt hại:	1		
				6.Số km đường bị thiệt hại:			
				7.Số ha rừng bị thiệt hại:			
				8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	100% diện tích		
				9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:			
				10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	12 ha		
				11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:			
				12.Các thiệt hại khác... Đê vỡ:	200m		
				13.Ước tính thiệt hại kinh tế:			
2016	ATNĐ, lũ, lụt			1.Số người chết/mất tích:	0		
				2.Số người bị thương:	0		
				3.Số nhà bị thiệt hại:	11		

				4.Số trường học bị thiệt hại:	0	
				5.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				6.Số km đường bị thiệt hại:	0	
				7.Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	1ha	
				9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0	
				11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	
				12.Các thiệt hại khác... Đề vờ:	15m	
				13.Ước tính thiệt hại kinh tế:		
2017	Lũ lụt			1.Số người chết/mất tích:	0	
				2.Số người bị thương:	0	
				3.Số nhà bị thiệt hại:	27	
				4.Số trường học bị thiệt hại:	0	
				5.Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				6.Số km đường bị thiệt hại:	3km	

				7.Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				8.Số ha ruộng bị thiệt hại:	12ha	
				9.Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				10.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	10 lồng bè	
				11.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	
				12.Các thiệt hại khác... Đê vỡ:	0	
				13.Ước tính thiệt hại kinh tế:		

Nhận xét:

Những thiên tai đã xảy ra ở địa phương gây nhiều thiệt hại chủ yếu là bão, ATNĐ, lũ lụt Đặc biệt là lũ lụt hầu như năm nào cũng có. Những thiệt hại xảy ra chỉ gây thiệt hại về lúa, hoa màu, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản. rất tốt là không có thiệt hại về người ngay cả những lần lịch sử như năm 1999

2.Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão, ATNĐ,	Nhất Đông	TB	TĂNG	TB
		Nhì Đông	TB	TĂNG	TB
		Nhì Tây	TB	TĂNG	TB

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

		Nhất Tây	TB	TĂNG	TB
		Giáp Nam	TB	TĂNG	TB
		Tân Hội	CAO	TĂNG	CAO
		Mỹ Hòa	CAO	TĂNG	CAO
2	Lũ, ngập lụt	Nhất Đông	TB	TĂNG	TB
		Nhi Đông	TB	TĂNG	TB
		Nhi Tây	TB	TĂNG	TB
		Nhất Tây	TB	TĂNG	TB
		Giáp Nam	CAO	TĂNG	CAO

2. Số họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



3. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng		Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Nhát Đông	21	46	69	141	16	40	76	2	4	0	2	9	18	0	0
2	Nhì Đông	21	43	68	139	18	38	73	2	4	2	2	9	17	0	0
3	Nhì Tây	22	44	63	128	14	42	78	3	15	1	2	8	18	0	0
4	Nhát Tây	48	98	139	282	30	83	165	7	13	4	6	21	43	0	0
5	Giáp Nam	52	105	143	290	27	88	172	8	10	3	8	26	53	0	0
6	Tân Hội	27	56	68	140	19	37	72	2	6	0	1	12	24	0	0
7	Mỹ Hòa	19	38	48	98	15	36	64	3	4	1	1	7	15	0	0
	Tổng	210	430	598	1218	135	364	690	27	54	12	22	92	188	0	0

4. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
	Cột điện			Cột	297	28
	Dây điện hạ thế và trung thế		2012 đến 2017	Km	16km	0
	Trạm điện		2012 đến 2017	Trạm	6	0
Nhận xét: Hệ thống điện trung thế, hạ thế hiện vận hành an toàn, 100% hộ dân đã có điện sáng Đường điện khu dân cư có khoảng 5% chưa an toàn.						

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường						
	Đường quốc lộ		49B	Km	2	0	0
	Đường tỉnh/huyện			Km	1,8	3,2	0
	Đường xã		2013 đến 2018	Km	0	2,5	0
	Đường thôn		2013 đến 2018	Km	0	7,2	0
	Đường ngõ xóm		2013 đến 2018	Km	0	4,16	0
	Đường nội đồng		2013 đến 2018	Km	0	7,48	6,72

	Cầu, Cổng		Từ 2001 đến 2017	Cái	14	3 cửa cống nhỏ khó tiêu thoát nước	
Nhận xét : Đường tỉnh lộ, quốc lộ tốt Đường trục xã, thôn xóm đều đạt chuẩn nông thôn mới Đường trục chính nội đồng mới bê tông hóa 64,9% chưa đạt chuẩn							

c) Trường

TT	Trường	Thôn ²	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Mầm non ³		2012	9	8	1	0
	Trường tiểu học		2007	23	18	5	0
	Trường THCS		2005	17	14	0	3 phòng xuống cấp
Nhận xét: Các trường THCS, tiểu học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia 1. Trường mầm non đang xây dựng bổ sung để có thể đạt chuẩn quốc gia năm học tới. Các trường đều có thể trưng dụng làm nơi sơ tán an toàn tuy nhiên sẽ thiếu nhà vệ sinh và nước sử dụng nếu tiếp nhận dân sơ tán. Riêng trường THCS có 3 phòng học xuống cấp hiện đang được thay thế mới.							

² Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

³ Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện ⁴							
	Trạm y tế		2013	5	9	9	0	0
	Cơ sở khám						01	
<p>Nhận xét : Trạm y tế khang trang có đủ thuốc chữa bệnh, đủ nhân lực và hoạt động tốt, công tác khám chữa bệnh được thực hiện tốt, có đủ phương tiện và thuốc, hóa chất để sử dụng khi có thiên tai</p>								

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Trụ Sở UBND		2005	Phòng	18	0	0
	Nhà văn hóa xã		2005	Cái	01	0	0
	Nhà văn hóa thôn		2014	Cái	06	01	0

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Chợ xã		2004	Cái	0	01	0
	Chợ tạm/chợ cóc			Cái	0	0	0

⁴ Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

5. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
	Đê sông Ô Lâu tả,hữu Đê bao	km	2014	10 5,6	0	0 0,4
	Kè	Km	2012	10	0	0
	Kênh mương	Km	Từ 1998 đến 2017	11,4km	11,4km	0
	Cống thủy lợi	Cái	2001	14	3 hẹp	0
	Đập thủy lợi	Cái		0	0	0
	Trạm bơm	Cái	2003	2	0	2

Nhận xét:

Đê sông và đê bao tuy đã được kiên cố hóa song đê bao chỉ đảm bảo chống chịu được lụt tiểu mãn, vẫn còn có đoạn đê có cao trình thấp và có đoạn bị xói lở, xói ngầm có thể dẫn tới tràn đê, vỡ đê, gây ngập lụt nặng cho khu dân cư.

Kênh mương nội đồng tốt.

Các công hoạt động tốt.

6. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Nhất Đông	165	155	5	5	0
2	Nhi Đông	131	107	20	4	0
3	Nhi Tây	143	102	32	9	0
4	Nhất Tây	282	250	15	10	7
5	Giáp Nam	250	200	47	0	3
6	Tân Hội	87	12	63	12	0
7	Mỹ Hòa	130	45	75	10	0
	Tổng	1188	871	247	50	10

Nhận xét:

Toàn xã có nhiều nhà kiên cố đây là yếu tố rất quan trọng giúp cho hoạt động sơ tán tại chỗ thuận lợi. Xã chỉ có 50 nhà thiếu kiên cố và 10 tạm. Vì vậy khi có bão, lũ lụt xảy ra những nhà này dễ bị sập, hư hại.

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Nhất Đông	165	0	165	0	0	0	165	0	0
2	Nhì Đông	131	0	131	0	0	0	131	0	0
3	Nhì Tây	143	0	143	0	0	0	143	0	0
4	Nhất Tây	282	0	282	0	0	0	282	0	0
5	Giáp Nam	250	0	250	0	0	0	250	0	0
6	Tân Hội	87	0	87	0	0	0	87	0	0
7	Mỹ Hòa	130	0	130	0	0	0	130	0	0
	Tổng	1188	0	1188	0	0	0	1188	0	0

Nhận xét:

Toàn dân trong xã đã được sử dụng nước sạch, 100% hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh 75% hộ dân có bồn chứa dùng hàng ngày, đây cũng là nguồn nước sạch dự trữ khi thiên tai xảy ra tuy vậy tất cả các hộ không có bể chứa nước khác.

8. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến khi có thiên tai

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	20	4	6	6	0
3	Viêm đường hô hấp	98	4	3	6	1
4	Tay chân miệng	124	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do điều kiện nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	87	0	0	0

Nhận xét:

Trong vòng 4, 5 năm gần đây, sau thiên tai bão, ngập lụt, đặc biệt là sau lũ lụt ở địa phương thường phát sinh các bệnh dịch. Chủ yếu là bệnh viêm đường hô hấp, bệnh cúm; bệnh tiêu chảy, bệnh da liễu, bệnh phụ khoa, tuy nhiên những bệnh dịch này đã được phát hiện sớm, bao vây và dập dịch kịp thời.

Tại các thôn đã chủ động tuyên truyền, báo dịch kịp thời đồng thời chủ động triển khai các hoạt động: tiêm phòng, tổ chức vệ sinh môi trường, xử lý nước...

9. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn			0				
2	Rừng trên cát	Nhiều năm	Thôn Tân hội và Mỹ Hòa	142,5	142,5	Phi lao	Lấy củi	Các hộ dân
3	Rừng tự nhiên			0				
4	Rừng sản xuất	Nhiều năm	Thôn 8, thôn 4, thôn 5	56,47	56,47	tràm	Lấy dầu Bán gỗ	Xã quản lý
5	Diện tích quy hoạch			0	0	0	0	0

	trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng							
6	Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng			0	0	0	0	0
7	Rừng khác			0	0	0	0	0
8	Tổng			199,2	199,2			

Nhận xét

Diện tích rừng nhiều, trong đó có 20 ha rừng phòng hộ đặc dụng.

Rừng phòng hộ, rừng tràm do xã quản lý còn lại là rừng trên cát do người dân quản lý. Hàng năm sau khi khai thác theo quy hoạch, xã và dân lại trồng thêm nên diện tích rừng tương đối khép tán.

10. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	641 3,5	679	30%	Tốt	20% vì đã dùng giống mới được bảo, lụt
	Chăn nuôi - Đàn trâu bò - Đàn lợn	Con	370 6.000	912	80%	Tốt	10%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đánh bắt - Thuyền đánh bắt gần bờ biển - Ghe đánh bắt trên sông, đầm	Hộ Chiếc	150 31	31	0	Bình thường	15%
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi	- Ha	0	8	50%	Cảm chùng và có xu hướng giảm đặc biệt	Rủi ro cao

- Ao, hồ nuôi - Lòng bè	- Ha - Cái	80,26ha 15	50%	là nuôi tôm
----------------------------	---------------	---------------	-----	-------------

Nhận xét:

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn như thời tiết diễn biến thất thường, nhưng địa phương đã có những giải pháp tích cực, bà con nông dân đẩy mạnh thâm canh nên kết quả thu được khá. Riêng vụ Đông xuân 2016-2017 là vụ lúa có năng suất cao nhất từ trước đến nay. Cơ cấu giống cấp I và xác nhận 98%. Trong năm xã đã chú trọng thực hiện các mô hình trong nông nghiệp đạt kết quả cao như phối hợp với công ty Quế Lâm sản xuất lúa hữu cơ diện tích 20,6 ha trong đó giống lúa BT27 8,6 ha, năng suất thu hoạch đạt 52 tạ/ha; giống lúa ĐT39 53 tạ/ha, giá bao tiêu sản phẩm ngay từ đầu vụ đối với BT27: 8.000 đồng/kg, ĐT39: 7000đồng/kg, cao hơn nhiều so với giá lúa thị trường cùng thời điểm

Từng bước tạo thương hiệu rau xanh Điền Lộc, Địa phương đã tiến hành tập huấn kỹ thuật trồng rau, hướng tới sản xuất rau theo quy trình VietGAP, đồng thời chuyển 0,2 ha đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng màu nâng diện tích trồng màu lên 50,2 ha, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản rui ro cao riêng nuôi tôm trên cát giảm mạnh.

Nhờ có cơ giới hóa nên từ khâu gieo sạ đến thu hoạch nên hầu hết là nam đảm nhiệm công việc này tuy nhiên khi gặt lúa thì việc thu hoạch phụ nữ phải đảm nhận 90%, chính điều này làm cho tỷ lệ nữ mắc bệnh phụ khoa tăng cao.

11. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	DVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	100	Toàn xã
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	Toàn xã
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	38	Toàn xã
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	Toàn xã
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	Toàn xã
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	100	Toàn xã

7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	80	Toàn xã
---	--	----	----	---------

Nhận xét:

Hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo của xã về cơ bản hoàn chỉnh. Hệ thống loa được phủ khắp toàn xã, các phương tiện thông tin đại chúng đa dạng, khi nhận được thông tin về thiên tai có khả năng xảy ra, thôn và xã đã đến từng hộ thông báo. Các thông tin được truyền đạt ngắn gọn, dễ hiểu. Hiệu suất sử dụng hệ thống truyền thanh cao tuy nhiên các dụng cụ, phương tiện hầu hết đã kém chất lượng, thường xuyên bị hỏng hóc nên hiệu quả hạn chế, xã và thôn còn thiếu các loa cầm tay.

12. Phòng chống thiên tai/BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	7/7	
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3/3	
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	2	Diễn tập ứng phó bão, lụt
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	37	
	Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	5	Tuyên truyền, cảnh báo, động viên, cứu trợ
	Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	25	Trong đó có 2 nữ
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	145	
	Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	Sơ cấp cứu	23 nữ
6	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	24	
	- Áo phao	Chiếc	50	xã
	- Loa	Chiếc	19 cụm	38 loa

	- Đèn pin	Chiếc	37	Các cá nhân ban PCTT
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01	Xã
	- Xe vận tải	Chiếc	250	Các hộ dân
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	1kg	Trạm y tế
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1 cơ số	Trạm y tế
10	Khác: + Máy cưa 02 cái (01 máy của UBND xã và 01 máy của ông Lê Ngọc Đàng - Nhì Tây) + Cuốc xẻng, rìu, búa, cúp vv...(trong nhân dân) + Các vật tư, phương tiện dự phòng khác - Bao cát, rọ thép: 50 cái; - Dây buộc:100 mét			

Nhận xét:

Là một xã trọng điểm lũ lụt, bão nước biển dâng của tỉnh nên công tác phòng, chống thiên tai luôn được cấp ủy, HĐND, ủy ban nhân dân xã đặc biệt quan tâm.

- Xã có ban chỉ huy PCTT bao gồm 37 người được phân công trách nhiệm cụ thể, các thành viên đều tích cực, có sự phối hợp chặt chẽ.
- Lực lượng PCTT hùng hậu luôn sẵn sàng phục vụ khi có thiên tai xảy ra. 7/7 thôn đều có đội xung kích với 145 người
- Các phương tiện vật tư và hậu cần được chuẩn bị chu đáo, khá đầy đủ. Ngoài nguồn dự trữ tại chỗ, địa phương cũng đã hợp đồng ghi nhớ với các hộ về phương tiện vật tư, hậu cần
- Tuy vậy, lực lượng PCTT của xã chưa có kỹ năng tốt, hầu hết chưa được tập huấn, thiếu phương tiện.
- Kinh phí PCTT của xã hạn chế

13. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Nhất Đông	Nhì Đông	Nhất Tây	Nhì Tây	Giáp Nam	Mỹ Hòa	Tân Hội	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Hiểu biết của CD về thiên tai và PCTT còn hạn chế, thiếu các kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp							TB
4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	Nhiều hộ đã chằng chống nhà trước mùa mưa bão song chưa đúng kỹ thuật							TB
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	90% hộ dân	90%	92% hộ dân	80%	93% hộ dân	89%	88%	CAO
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	CAO
		Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	TỐT
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	TỐT
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Buôn bán nhỏ, tự phát, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa qua đào tạo, tư vấn							TB
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Kịp thời, thông tin rõ ràng, đầy đủ, dễ hiểu, dễ thực hiện							TỐT

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT						
	Nhất Đông	165	TCXH *4 hộ vùng trũng thấp *30 ha lúa màu vùng trũng KT, KN *Nhận thức về thiên tai còn hạn chế	Vật chất *Các hộ đều có ghe dự phòng KN,NT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão	*Nhà bị ngập, trôi *Mất mùa	TB Cao
	Nhi Đông	131	TCXH *5 hộ vùng trũng thấp *25 ha lúa màu vùng trũng KN, NT *Nhận thức về thiên tai hạn chế	VẬT CHẤT *Các hộ đều có ghe dự phòng KN, KT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão	*Mất mùa *Nhà bị ngập, trôi *Tài sản hư hỏng *Mất vật nuôi	Cao TB
	Nhi Tây	143	TCXH *3 hộ vùng trũng thấp *23 ha lúa màu vùng trũng KN, NT *Nhận thức về thiên tai hạn chế	VẬT CHẤT *Các hộ đều có ghe dự phòng KN, KT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão	*Mất mùa *Nhà bị ngập, trôi *Tài sản hư hỏng *Mất vật nuôi	TB
	Nhất Tây	282	TCXH *5 hộ vùng trũng thấp *20 ha lúa màu	VẬT CHẤT *Các hộ đều có ghe dự phòng	*Mất mùa *Nhà bị ngập, trôi *Tài sản hư	TB

			vùng trũng KN, NT *Nhận thức về thiên tai hạn chế	KN, KT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão	hồng *Mất vật nuôi	
Giáp Nam	250	VẬT CHẤT *15 lồng bè nuôi cá không an toàn *Trên 100 ghe nhỏ trên sông TCXH *150 hộ vùng trũng thấp *40 ha lúa màu vùng trũng NT, KN *Nhà không có lối thoát hiểm *Nhận thức về thiên tai hạn chế *15 lồng bè nuôi cá không an toàn *Trên 100 ghe nhỏ trên sông	VẬT CHẤT *Các hộ đều có ghe dự phòng *Nhà có gác lửng KN,KT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão *Đã thực hiện chủ động sơ tán Có kế hoạch kê kích tài sản lên cao *Chủ động thu hoạch lúa, cá	*Mất mùa *Nhà bị ngập, trôi *Cá bị mất *Tài sản hư hỏng *Mất vật nuôi *Ghe, ngư cụ bị hư hỏng, mất	Cao	
BÃO						
Nhất Đông	165	TCXH *4 hộ vùng trũng thấp *30 ha lúa màu vùng trũng KT, KN *Nhận thức về thiên tai hạn chế	Vật chất *Các hộ đều có ghe dự phòng KN,NT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão	*Mất mùa *Nhà bị ngập, trôi	TB	
Nhi Đông	131	TCXH *5 hộ vùng trũng thấp *25 ha lúa màu vùng trũng KN, NT *Nhận thức về thiên tai hạn chế	VẬT CHẤT Các hộ đều có ghe dự phòng KN, KT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão	*Mất mùa *Nhà bị ngập, trôi *Tài sản hư hỏng *Mất vật nuôi	TB	

Nhì Tây	143	TCXH *3 hộ vùng trũng thấp *23 ha lúa màu vùng trũng KN, NT *Nhận thức về thiên tai hạn chế	VẬT CHẤT *Các hộ đều có ghe dự phòng KN, KT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão	*Mất mùa *Nhà bị ngập, trôi *Tài sản hư hỏng *Mất vật nuôi	TB
Nhất Tây	282	TCXH *5 hộ vùng trũng thấp *20 ha lúa màu vùng trũng KN, NT *Nhận thức về thiên tai hạn chế	VẬT CHẤT *Các hộ đều có ghe dự phòng KN, KT *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống lúa né bão	*Mất mùa *Nhà bị ngập, trôi *Tài sản hư hỏng *Mất vật nuôi	TB
Giáp Nam	250	VẬT CHẤT *119 ghe nhỏ trên sông *Còn 3 nhà đơn sơ *Lúa màu trũng mùa thiên tai NT, KN *Nhiều hộ còn chủ quan và thiếu kiến thức và kỹ năng PCTT	VẬT CHẤT *Có bến đậu ghe trú bão an toàn KN,NT *Nhiều hộ đã chủ động chằng chống nhà,chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi bước vào mùa mưa bão	*Nhà đổ, hư hại *Lúa, màu bị mất *Chuồng trại chăn nuôi bị đổ *Ghe bị vỡ Mất ngư lưới cụ *Chết người Mất cá nếu bão kèm mưa to, nước dâng	TB
Tân Hội	87	VẬT CHẤT *15 thuyền nhỏ trên biển *Thuyền thiếu phương tiện cứu hộ, *Thiếu phương tiện thông tin cảnh báo *Còn 12 nhà không an toàn KN,NT *Nhiều hộ còn chủ quan và	VẬT CHẤT *Có nhiều nhà kiên cố *Có nơi neo đậu thuyền an toàn NT, KN *Nhiều hộ đã chủ động chằng chống nhà *Chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi bước vào mùa mưa bão	*Nhà đổ, hư hại *Lúa, màu bị mất *Chuồng trại chăn nuôi bị đổ *Thuyền bị đắm, bị vỡ *Mất ngư lưới cụ *Chết người *Mất cá nếu bão kèm mưa	CAO

			thiếu kiến thức và kỹ năng PCTT		to, nước dâng	
	Mỹ Hòa	130	VẬT CHẤT *16 thuyền nhỏ trên biển *Thuyền thiếu phương tiện cứu hộ, nhận thông tin cảnh báo *Còn 10 nhà không an toàn NT, KN *Nhiều hộ còn chủ quan và thiếu kiến thức và kỹ năng PCTT	VẬT CHẤT *Có nhiều nhà kiên cố *Có nơi neo đậu thuyền an toàn NT, KN *Nhiều hộ đã chủ động chằng chống nhà *Chuẩn bị lương thực, thực phẩm khi bước vào mùa mưa bão	*Nhà đổ, hư hại *Lúa, màu bị mất *Chuồng trại chăn nuôi bị đổ *Thuyền bị đắm, bị vỡ *Mất ngư lưới cụ *Chết người *Mất cá nếu bão kèm mưa to, nước dâng	CAO

Nhận xét:

Xã Diên Lộc là xã ven biển đồng thời có sông Ô Lâu chảy qua xã nên rủi ro thiên tai ở đây chủ yếu là do bão, ATNĐ, lũ lụt gây ra.

- Các yếu tố chịu rủi ro chủ yếu là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, nhà cửa, lúa, hoa màu, cá, phương tiện đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản
- Về địa hình, xã có 2 vùng rõ rệt: các thôn Nhất đông, Nhì Đông, Nhất tây, Nhì tây, Giáp Nam ở vùng ven sông thấp trũng; nên chịu ảnh hưởng nặng khi có lũ lụt đặc biệt là thôn Giáp Nam; các thôn Mỹ Hòa, Tân Hội ở sát ven biển trên các gò cát cao nên ít bị lụt nhưng bị ảnh hưởng lớn hơn của bão và ATNĐ.
- Các rủi ro chính ở đây chủ yếu là lúa màu bị thiệt hại, nhà cửa bị đổ, trôi; phương tiện và ngư cụ bị hư hỏng, mất, cá mất và môi trường ô nhiễm

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT						
1	Nhất Đông	165	*Đường điện của một số hộ chưa an toàn	*Chủ động sơ tán *Đã chuyển đổi	*Nhà ngập *Đường điện bị hỏng	TB

			*Còn nhà tạm *4 nhà trũng thấp	mùa vụ, giống cây Đa cơ giới hoa trong SX lúa		
2	Nhì Đông	131	*đường điện của một số hộ chưa an toàn *Còn nhà tạm *6 nhà trũng thấp	*Chủ động sơ tán *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống cây *Đa cơ giới hoa trong SX lúa	*Nhà ngập *Đường điện bị hỏng	TB
3	Nhì Tây	143	*Đường điện của một số hộ chưa an toàn *Còn nhà tạm *6 nhà trũng thấp	*Chủ động sơ tán *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống cây *Đa cơ giới hoa trong SX lúa	*Nhà ngập *Đường điện bị hỏng	TB
4.	Nhất Tây	282	*Đường điện của một số hộ chưa an toàn *Còn nhà tạm *4 nhà trũng thấp	*Chủ động sơ tán *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống cây *Đa cơ giới hoa trong SX lúa	*Nhà ngập *Đường điện bị hỏng	TB
5	Giáp Nam	250	*Đường điện của một số hộ chưa an toàn *Còn nhà tạm *150 nhà trũng thấp *12 lồng bè không chắc chắn *Trên 100ghe nhỏ trên sông	*Chủ động sơ tán *Đã chuyển đổi mùa vụ, giống cây *Đa cơ giới hoa trong SX lúa	*Nhà ngập Đường điện bị hỏng *Đường hư hỏng *Mất cá *Chết người Mất phương tiện, ngư cụ	cao
BẢO						
1	Nhất Đông	165	*Còn nhà thiếu an toàn, nhà tạm *Lúa, màu trũng mùa bão	*Thôn có nhiều nhà kiên cố (155/165) *Chủ động chằng chống	*Nhà đổ, tóc mái *Lúa hoa màu bị mất	TB

			*Còn tư tưởng chủ quan	nhà cửa *Chủ động sơ tán *Có nhiều nhà kiên cố		
2	Nhì Đông	131	*Còn nhà thiếu an toàn, nhà tạm *Lúa, màu trũng mùa bão *Còn tư tưởng chủ quan	*Tỷ lệ nhà kiên cố cao(107/131) *Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán *Có nhiều nhà kiên cố	*Nhà đổ, tốc mái *Lúa hoa màu bị mất	TB
3	Nhì Tây	143	*Còn nhà thiếu an toàn, nhà tạm *Lúa, màu trũng mùa bão *Còn tư tưởng chủ quan	*Chủ động chằng chống nhà, *Chủ động sơ tán *Có nhiều nhà kiên cố	*Nhà đổ, tốc mái *Lúa hoa màu bị mất	TB
4.	Nhất Tây	282	*Còn nhà thiếu an toàn, nhà tạm *Lúa, màu trũng mùa bão	*Tỷ lệ nhà kiên cố cao(250/282) *Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán khi có bão	*Nhà đổ, tốc mái *Lúa hoa màu bị mất	TB
5	Giáp Nam	250	*Trên 100 ghe nhỏ đánh cá trên sông *12 lồng bè nuôi cá *Còn nhà thiếu an toàn, nhà tạm *Lúa, màu trũng mùa bão *Còn tư tưởng chủ quan	*Có bến đậu an toàn *Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán có nhiều nhà kiên cố(200/250)	*Nhà đổ, tốc mái *Lúa hoa màu bị mất, mất cá, lồng bè hư hỏng	TB
6	Tân Hội	87	*Có 16 thuyền nhỏ đánh cá trên biển, phương tiện thô sơ, thiếu	*Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán	*Nhà đổ, tốc mái *Thuyền bị hư hỏng, chết	cao

			<p>trang bị phòng hộ, liên lạc với đất liền</p> <p>*Có 12 hộ ở ven mép nước</p> <p>Còn nhà thiếu an toàn, nhà tạm và ít nhà kiên cố (12 nhà)</p> <p>*Còn tư tưởng chủ quan</p>	<p>*Có nhiều nhà kiên cố</p> <p>*Có bến neo đậu an toàn</p> <p>*Có rừng phòng hộ đặc dụng</p>	<p>người</p>	
7	Mỹ Hòa	130	<p>*Còn nhà thiếu an toàn, nhà tạm</p> <p>*Còn tư tưởng chủ quan</p> <p>*Có 15 thuyền nhỏ đánh cá trên biển, phương tiện thô sơ, thiếu trang bị phòng hộ, liên lạc với đất liền</p> <p>*Có 17 hộ ở ven mép nước</p>	<p>*Chủ động chằng chống nhà, chủ động sơ tán</p> <p>*Có nhiều nhà kiên cố</p> <p>*Có bến neo đậu an toàn</p> <p>*Có rừng phòng hộ đặc dụng</p>	<p>*Nhà đổ, tốc mái</p> <p>*Lúa hoa màu bị mất,</p> <p>*ngư cụ, phương tiện bị hư hỏng, bị chìm, đắm,</p> <p>*Người chết</p>	Cao

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão			<p>*Còn 0,4 km đê bao chưa được bê tông hóa, gia cố</p> <p>*1,5 km đê bao còn yếu</p> <p>*3 công tiêu nước hoạt động</p>	<p>*Đê sông và 5,6 km đã kiên cố</p> <p>*Đê sông 10km đã kiên cố</p> <p>*Hệ mương nội đồng đã được kiên cố hóa</p>	<p>*Đê vỡ</p> <p>*Cống bị hỏng</p>	TB đến cao tùy theo mức độ bão, lũ

			kém *2 trạm bơm xuống cấp thiếu 01 trạm bơm			
--	--	--	--	--	--	--

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT, BÃO						
1	Nhất Đông	165	*3 nhà ở vùng nguy cơ cao *5 nhà thiếu kiên cố	*Đã chằng chống nhà *Chủ động sơ tán *155 nhà kiên cố	*Nhà đổ *Nhà tóc mái *Nhà bị ngập, bị trôi *Tài sản bị hư hại, bị trôi	TB
2	Nhi Đông	131	*1 nhà ở vùng nguy cơ cao * 4 nhà thiếu kiên cố	*Đã chằng chống nhà *Chủ động sơ tán *107 nhà kiên cố	*Nhà đổ *Nhà tóc mái *Nhà bị ngập, bị trôi *Tài sản bị hư hại, bị trôi	TB
3	Nhi Tây	143	*6 nhà ở vùng nguy cơ cao, *9 nhà thiếu kiên cố	*Đã chằng chống nhà *Chủ động sơ tán *102 nhà kiên cố	*Nhà đổ *Nhà tóc mái *Nhà bị ngập, bị trôi *Tài sản bị hư hại, bị trôi	TB
4.	Nhất Tây	282	*23 nhà ở vùng nguy cơ cao * 10 nhà thiếu kiên cố *8 nhà tạm	*Đã chằng chống nhà *250 nhà kiên cố *Chủ động sơ tán	*Nhà đổ *Nhà tóc mái *Nhà bị ngập, bị trôi *Tài sản bị hư hại, bị trôi	TB

			bộ			
5	Giáp Nam	250	*23 nhà ở vùng nguy cơ cao *3 nhà tạm bộ	*200 nhà kiên cố *Đã chằng chống nhà *Chủ động sơ tán	- Nhà đổ - Nhà tốc mái - Nhà bị ngập, bị trôi - Tài sản bị hư hại, bị trôi	CAO
6	Tân Hội	87	*22 nhà ở vùng nguy cơ cao *12 nhà thiếu kiên cố	*Đã chằng chống nhà *Chủ động sơ tán	*Nhà đổ *Nhà tốc mái *Nhà bị ngập, bị trôi *Tài sản bị hư hại, bị trôi	CAO
7	Mỹ Hòa	130	*20 nhà ở vùng nguy cơ cao * 5 nhà thiếu kiên cố *15 nhà bán kiên cố	* Đã chằng chống nhà *Chủ động sơ tán	*Nhà đổ *Nhà tốc mái *Nhà bị ngập, bị trôi *Tài sản bị hư hại, bị trôi	CAO

Nhận xét:

Trên địa bàn xã có: 811/1188 nhà kiên cố, nhưng còn 50 nhà thiếu kiên cố, 10 nhà tạm bộ; trên 10% nhà lợp tấm lợp, lợp ngói không chằng chống hoặc chằng chống không đúng kỹ thuật; 42 nhà ở mép biển 158 nhà ở vùng trũng do đó khi có thiên tai sẽ có:

- Nhiều nhà có khả năng bị đổ, bị ngập, bị trôi
- Nhiều nhà sẽ có khả năng bị tốc mái

Hầu hết nhà có nguy cơ cao khi thiên tai xảy ra là nhà ở sát mép biển, nhà của các hộ nghèo, hộ có phụ nữ trụ cột gia đình

Đối với các hộ thiếu nhân lực, trước mùa thiên tai hoặc khi có cảnh báo bão, ATNĐ, đã được các tổ chức đoàn thể và lực lượng PCTT của xã hỗ trợ, giúp đỡ chằng chống hoặc hỗ trợ ngày công gia cố.

Sau thiên tai, tất cả các hộ có nhà bị đổ, hư hại đều được hỗ trợ sửa chữa.

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT, BÃO						
			<ul style="list-style-type: none"> *Chuồng trại thấp trũng, chất thải vật nuôi chưa được xử lý *Vật nuôi chưa được tiêm phòng đầy đủ *Chăn nuôi nhỏ lẻ *Đầu ra bấp bênh, thiếu ổn định, thiếu đầu mối bao tiêu ổn định *Chuồng trại tạm bợ 	<ul style="list-style-type: none"> *Đã có đội thu gom rác và có bãi rác qui định *Ý thức bảo vệ môi trường của người dân tốt *Thường xuyên được tuyên truyền, thường xuyên tổng vệ sinh *Có lực lượng thú y 	<ul style="list-style-type: none"> *Ô nhiễm môi trường *Dịch bệnh phát sinh ở người và vật nuôi *Chuồng trại bị đổ 	TB

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão			<ul style="list-style-type: none"> *Các thôn Nhất Đông, Nhì Đông, Nhất Tây, Nhì Tây, Giáp Nam thường xuyên bị ngập *Thôn rộng nhưng chỉ có 01 	<ul style="list-style-type: none"> *Trạm y tế có 7 nhân lực, thường xuyên tiến hành kiểm tra, định kỳ kiểm tra an toàn thực phẩm *Các thôn có 01 cán bộ y tế 	Dịch bệnh phát sinh	Thấp

			cán bộ y tế	*Cán bộ y tế xã, thôn có năng lực *Chỉ đạo tốt công tác phát hiện dịch, khoanh vùng và dập dịch kịp thời		
--	--	--	-------------	---	--	--

Nhận xét: Công tác y tế dự phòng của xã tốt.

Trong những năm gần đây không để dịch bệnh nghiêm trọng xảy ra ngay cả khi có thiên tai. Những bệnh dịch xảy ra được khoanh vùng và được chỉ đạo dập ngay không để bùng phát

Tại các thôn đã chủ động tuyên truyền, báo dịch kịp thời đồng thời chủ động triển khai các hoạt động: tiêm phòng, tổ chức vệ sinh môi trường, xử lý nước...

Sau thiên tai, từng hộ, thôn, toàn xã tiến hành VSMT, xử lý xác chết, khử trùng nước kịp thời và tuyên truyền nhắc nhở người dân liên tục về việc phòng các dịch bệnh

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt			VẬT CHẤT *Trường THCS có 3 phòng xuống cấp *Đường đi đến các trường bị ngập sâu kéo dài khi có lụt TCXH *Chưa tích hợp công tác PCTT, TUBĐKH vào các bài giảng một cách thường xuyên KN,NT *Học sinh, giáo viên thiếu kỹ năng bơi lội *Trẻ thiếu kinh nghiệm	VẬT CHẤT *Các trường có cơ sở tốt và đã đạt đang xúc tiến để năm học tới đạt chuẩn quốc gia	*Lớp học có nguy cơ bị hư hỏng *Học sinh có nguy cơ phải nghỉ *Chết người *HS thiếu kiến thức PCTT	Thấp

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Thôn Mỹ Hòa, Tân Hội		VẬT CHẤT *20 ha rừng phi lao, rừng phòng hộ đặc chủng tại mép biển dễ gãy đổ vì thân giòn *Hàng năm có 4 đến 5 ha rừng mới trồng	VẬT CHẤT *Có 142,5 ha rừng phòng hộ *100% rừng phòng hộ đã phép tán *Diện tích rừng tràm được trồng bổ sung liên tục	*Cây gãy đổ *Rừng mới trồng bị hư hại	- Trung bình đến cao

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT						
1	Nhất Đông	185	TCXH *30 ha lúa, màu vùng trũng, ven sông, vụ lúa, hoa màu trũng lụt tiểu mãn KN,KT *Chưa chủ động thu hoạch	KN, KT *Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ *Hiện đang thí điểm trồng giống lúa năng suất cao	*Mất lúa, hoa màu, sen	Trung bình đến cao
2	Nhi Đông	167	TCXH *25 ha vùng trũng ven sông, lúa hoa	*Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ	Mất lúa, hoa màu, sen	Trung bình đến

			màu trùng lụt tiểu mãn KN,KT *Chưa chủ động thu hoạch			cao
3	Nhì Tây	303	TCXH *15 ha vùng trũng ven sông, lúa hoa màu trùng lụt tiểu mãn KN, NT *Chưa chủ động thu hoạch	*Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ	Mất lúa, hoa màu, sen	Trung bình đến cao
4.	Nhất Tây	149	TCXH *20 ha vùng trũng ven sông, vụ lúa hoa màu trùng lụt tiểu mãn KN, NT *Chưa chủ động thu hoạch	*Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ	*Mất lúa, hoa màu, sen	Trung bình đến cao
5	Giáp Nam	350	VẬT CHẤT *40 ha vùng trũng,sát đầm phá Tam Giang, ven sông, lúa hoa màu trùng lụt tiểu mãn KN, NT *Chưa chủ động thu hoạch	*Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ	Mất lúa, hoa màu, sen	cao
BẢO						
1	Nhất Đông	185	TCXH *Vụ hè thu trùng mùa thiên tai ven sông, *vụ lúa hoa màu trùng bão tiểu mãn NT,KN *Chưa chủ động thu hoạch	KT,KN *Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ *Hiện đang thí điêm trồng giống lúa năng suất cao	Lúa , màu bị mất hoặc giảm năng suất	Trung bình

2	Nhì Đông	167	*Vụ hè thu trùng mùa thiên tai ven sông, lúa hoa màu trùng bão tiểu mãn *Chưa chủ động thu hoạch	Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ	Lúa , màu bị mất hoặc giảm năng suất	Trung bình
3	Nhì Tây	303	*Vụ hè thu trùng mùa thiên tai ven sông, *vụ lúa hoa màu trùng bão tiểu mãn *Chưa chủ động thu hoạch	*Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ	Lúa , màu bị mất hoặc giảm năng suất	Trung bình
4.	Nhất Tây	149	*Vụ hè thu trùng mùa thiên tai ven sông, *vụ lúa hoa màu trùng bão tiểu mãn Chưa chủ động thu hoạch	*Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ	Lúa , màu bị mất hoặc giảm năng suất	Trung bình
5	Giáp Nam	350	*Vụ hè thu trùng mùa thiên tai ven sông, *Lúa hoa màu trùng lụt tiểu mãn *Chưa chủ động thu hoạch	*Đã chuyển đổi giống ngắn ngày, tránh lũ	Lúa , màu bị mất hoặc giảm năng suất	Trung bình

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT						
1	Nhất	185	*Chuồng trại làm ở	*Chăn nuôi	Vật nuôi bị	TB

	Đông		vùng trũng thấp *Vật nuôi dễ nhiễm bệnh *Kỹ năng chăn nuôi hạn chế *Sử dụng giống cũ còn nhiều	truyền thống TB	chết, bị trôi Môi trường ô nhiễm Chuồng trại bị hư hỏng Dịch bệnh.	
2	Nhi Đông	167	*Chuồng trại làm ở vùng trũng thấp *Vật nuôi dễ nhiễm bệnh *Chưa chuyển đổi nhiều về giống *Kỹ năng chăn nuôi hạn chế	*Chăn nuôi truyền thống TB	*Vật nuôi bị chết, bị trôi *Môi trường ô nhiễm *Dịch bệnh Chuồng trại bị hư hỏng	TB
3	Nhi Tây	303	*Chuồng trại làm ở vùng trũng thấp *Vật nuôi dễ nhiễm bệnh	Chăn nuôi truyền thống TB	*Vật nuôi bị chết, bị trôi *Môi trường ô nhiễm *Dịch bệnh *Chuồng trại bị hư hỏng	TB
4.	Nhất Tây	149	*Chuồng trại làm ở vùng trũng thấp *Vật nuôi dễ nhiễm bệnh *Môi trường bị ô nhiễm	Chăn nuôi truyền thống TB	*Vật nuôi bị chết, bị trôi *Môi trường ô nhiễm *Chuồng trại bị hư hỏng	TB
5	Giáp Nam	350	*Chuồng trại làm ở vùng trũng thấp *Vật nuôi dễ nhiễm bệnh *Môi trường bị ô nhiễm	Chăn nuôi truyền thống TB	*Vật nuôi bị chết, bị trôi *Môi trường ô nhiễm *Chuồng trại bị hư hỏng	CAO
Bão						
1	Nhất Đông	165	Chuồng trại thiếu kiên cố, tạm bợ	Đã gia cố chuồng trại	*Chuồng trại bị sập đổ, hư hỏng *Vật nuôi bị chết, *Dịch bệnh	TB

					bùng phát	
2	Nhì Đông	131	*Chuồng trại thiếu kiên cố, tạm bợ	Đã gia cố chuồng trại	*Chuồng trại bị sập đổ, hư hỏng *Vật nuôi bị chết, *Dịch bệnh bùng phát	TB
3	Nhì Tây	143	*Chuồng trại thiếu kiên cố, tạm bợ	Đã gia cố chuồng trại	*Chuồng trại bị sập đổ, hư hỏng *Vật nuôi bị chết, *Dịch bệnh bùng phát	TB
4.	Nhất Tây	282	Chuồng trại thiếu kiên cố, tạm bợ	Đã gia cố chuồng trại	*Chuồng trại bị sập đổ, hư hỏng *Vật nuôi bị chết, *Dịch bệnh bùng phát	TB
5	Giáp Nam	250	Chuồng trại thiếu kiên cố, tạm bợ	Đã gia cố chuồng trại	*Chuồng trại bị sập đổ, hư hỏng *Vật nuôi bị chết, *Dịch bệnh bùng phát	CAO
6	Tân Hội	87	Chuồng trại thiếu kiên cố, tạm bợ	Đã gia cố chuồng trại	*Chuồng trại bị sập đổ, hư hỏng *Vật nuôi bị chết, *Dịch bệnh bùng phát	CAO
7	Mỹ Hòa	130	Chuồng trại thiếu kiên cố, tạm bợ	Đã gia cố chuồng trại	*Chuồng trại bị sập đổ, hư hỏng *Vật nuôi bị chết,	CAO

					bùng phát	
--	--	--	--	--	-----------	--

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT						
Nuôi thủy sản	Giáp Nam	10	*Lồng bè không đảm bảo *Không di dời kịp do lũ về nhanh *Thiếu kỹ năng nuôi trồng *Người nuôi chủ quan	*Sử dụng vôi khi lũ *Đưa lồng bè vào nơi an toàn	*Lồng bè bị vỡ, trôi mất *Cá trôi	CAO
BÃO						
Đánh bắt trên sông, đầm	Giáp Nam	119	*Ghe nhỏ, xuống cấp Thiếu áo phao *Người dân chủ quan	*Có bến neo đậu an toàn *Được cảnh báo kịp thời	*Ghe bị vỡ, bị chìm *Ngư cụ bị mất *Người bị chết	CAO
Đánh bắt trên biển	Mỹ Hòa	16	*Thuyền nhỏ, xuống cấp *Thiếu phương tiện phòng hộ Thiếu hệ thống cảnh báo	Có bến neo đậu an toàn	Thuyền bị vỡ, bị chìm Ngư cụ bị mất Người bị chết	CAO
	Tân Hội	15	*Thuyền nhỏ, xuống cấp *Thiếu phương tiện phòng hộ *Thiếu hệ thống cảnh báo	*Có bến neo đậu an toàn	Thuyền bị vỡ, bị chìm Ngư cụ bị mất Người bị chết	CAO

12. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão	...	131	VẬT CHẤT - chợ đã xuống cấp - Chợ ở vùng trũng, thiếu hệ thống thoát nước TCXH Thiếu vốn, hàng hóa chưa đa dạng NT, KN Buôn bán tự phát, người dân thiếu kỹ năng buôn bán -	VẬT CHẤT Một số hộ có đại lý cung cấp hàng hóa mùa thiên tai NT, KN - Một số hộ biết đầu tư, đa dạng hàng hóa - Một số hộ đã chủ động học tập nâng cao năng lực về kinh doanh, buôn bán nhỏ	- Lều quán bị hư hỏng, sập đổ - Hàng hóa hư hỏng, có khi mất vốn, thiếu nợ - chợ bị sập, hư hỏng Buôn bán gián đoạn,	Trung bình

13. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão			VẬT CHẤT *Hệ thống loa truyền thanh hư hỏng, xuống cấp *Thiếu loa cầm tay, âm ly di động để truyền truyền lưu động khi có cảnh báo thiên tai *Thiếu các phương	TCXH *100% hộ có tivi; 95% hộ có điện thoại liên lạc *Thường xuyên tuyên truyền các kiến thức về thiên tai, BĐKH	* cột gãy đổ * Thiếu phương tiện truyền thông, cảnh báo ‘ chỉ đạo chỉ huy trong thiên tai	Trung bình

			tiện cảnh báo sớm *Các cột truyền thanh tạm bợ, xuống cấp TCXH *Công tác truyền truyền chưa thường xuyên	*Có thông kịp thời đến các hộ dân		
--	--	--	--	-----------------------------------	--	--

14. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LỤT, BÃO						
1	Nhất Đông Chủ động sơ tán	165	V/C *30 ha lúa, hoa màu trũng mùa lụt, bão *3 nhà ở vùng nguy cơ cao, 5 nhà thiếu kiên cố TCXH *Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân *Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH *Chưa được diễn tập PCTT hàng năm *Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT KT,KN *Lực lượng xung kích thiếu kỹ năng	Vật chất *155 nhà kiên cố TCXH *Thôn đã có tiểu ban PCTT, có đội xung kích KT, KN *Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai *Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai Người dân có tinh thần giúp đỡ lẫn nhau *Đã chằng	*Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . *Người chết, bị thương, mất tích, tài sản bị mất, nhà cửa bị ngập, bị sập	Trung bình

				chống nhà *Chủ động sơ tán		
2	Nhì Đông	131	<p>Vật Chất *30ha lúa màu trùng mùa lụt, bão *Thôn có 13 nhà xuống cấp, không an toàn và ở vùng nguy cơ cao *Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân TC-XH *Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH *Chưa được diễn tập PCTT hàng năm *Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT KT,KN *Lực lượng xung kích thiếu kỹ năng</p>	<p>Vật chất *107 nhà kiên cố TCXH *Thôn đã có tiểu ban PCTT, có đội xung kích KT, KN *Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai *Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai *Người dân có tinh thần giúp đỡ lẫn nhau *Đã chăng chống nhà *Chủ động sơ tán</p>	<p>*Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . *Người chết, bị thương, mất tích,tài sản bị mất, nhà cửa bị ngập, bị sập</p>	Trung bình
3	Nhì Tây	143	<p>Vật chất: *30ha lúa màu trùng mùa lụt, bão *Thôn 22 có nhà xuống cấp, 6 nhà ở vùng nguy cơ cao, 9 nhà thiếu kiên cố *Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân TC,XH *Ban lãnh đạo thôn,</p>	<p>Vật chất: *102 nhà kiên cố TC,XH *Thôn đã có tiểu ban PCTT, có đội xung kích KT,KN- *Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai *Các hộ gia</p>	<p>*Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . *Người chết, bị thương, mất tích,tài sản bị mất, nhà cửa bị ngập, bị sập</p>	Trung bình

			<p>người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH</p> <p>*Chưa được diễn tập PCTT hàng năm</p> <p>*Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT</p> <p>*Nhiều đối tượng DBTT</p> <p>KT,KN</p> <p>*Lực lượng xung kích thiếu kỹ năng</p>	<p>đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai</p> <p>*Người dân có tinh thần giúp đỡ lẫn nhau</p> <p>*Đã chằng chống nhà</p> <p>*Chủ động sơ tán</p>		
4.	Nhất Tây	282	<p>Vật chất</p> <p>*30ha lúa màu trùng mùa lụt, bão</p> <p>*Thôn có 34 nhà xuống cấp, 10 vùng không an toàn.</p> <p>*Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân</p> <p>TCXH</p> <p>*Chưa được diễn tập PCTT hàng năm</p> <p>*Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT</p> <p>KT,KN</p> <p>*Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH</p> <p>* Lực lượng xung kích thiếu kỹ năng</p>	<p>Vật chất</p> <p>*102 nhà kiên cố</p> <p>KT,KN</p> <p>* Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai</p> <p>*Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai</p> <p>*Người dân có tinh thần giúp đỡ lẫn nhau</p> <p>Chưa được diễn tập PCTT hàng năm</p> <p>*Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT</p> <p>*Đã chằng chống nhà</p> <p>*Chủ động sơ tán</p>	<p>*Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ .</p> <p>*Người chết, bị thương, mất tích, tài sản bị mất, nhà cửa bị ngập, bị sập</p>	Trung bình

5	Giáp Nam	250	<p>V/C *23 nhà ở vùng nguy cơ cao *Thôn 51 nhà xuống cấp, vùng không an toàn</p> <p>TC-XH *Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân *Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH *Chưa được diễn tập PCTT hàng năm Nhiều đối tượng DBTT</p> <p>KT, KN *Lực lượng xung kích thiếu kỹ năng *Phương tiện đánh bắt thô sơ, xuống cấp *Các lồng bè nuôi cá không đảm bảo *Thiếu kinh nghiệm nuôi thủy sản *Tư tưởng chủ quan còn nhiều *Một số người chưa tuân thủ lệnh cấm ra biển, cấm ra sông khi có bão, lũ</p>	<p>V/C *200 nhà kiên cố *Đã chằng chống nhà</p> <p>TC-XH *Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai *Thôn đã có tiểu ban PCTT, có đội xung kích *Có nơi neo đậu tàu thuyền an toàn</p> <p>KT,KN *Một số hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai *Người dân có tinh thần giúp đỡ lẫn nhau *Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai *Chủ động sơ tán</p>	<p>*Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . *Người chết, bị thương, mất tích, tài sản bị mất, nhà cửa bị ngập, bị sập *Ghe, thuyền bị vỡ, trôi, ngư cụ bị mất</p>	Cao
6	Tân Hội	87	<p>VẬT CHẤT *Phương tiện đánh bắt thô sơ, xuống cấp, thiếu bộ đàm theo dõi cảnh báo *22 nhà ở vùng nguy cơ cao, 12 nhà thiếu kiên cố</p>	<p>VẬT CHẤT *Tân Hội *Đã chằng chống nhà</p> <p>TC-XH *Thôn đã có tiểu ban PCTT,</p>	<p>*Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . *Người chết, bị thương, mất tích, tài sản bị mất, nhà cửa</p>	Cao

		<p>*Thôn có 59 nhà xuống cấp là vùng không an toàn khi có bão</p> <p>TC-XH</p> <p>*Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân</p> <p>*Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH</p> <p>*Chưa được diễn tập PCTT hàng năm</p> <p>*Phụ nữ ít tham gia vào các hoạt động PCTT</p> <p>*Nhiều đối tượng DBTT</p> <p>KN,TD</p> <p>*Lực lượng xung kích thiếu kỹ năng</p> <p>*Tư tưởng chủ quan còn nhiều</p> <p>*Một số người chưa tuân thủ lệnh cấm ra biển, cấm ra sông khi có bão, lũ</p>	<p>có đôi xung kích</p> <p>*Có nơi neo đậu tàu thuyền an toàn</p> <p>NT, KN</p> <p>*Một số hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai</p> <p>*Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai</p> <p>*Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai</p> <p>*Người dân có tinh thần giúp đỡ lẫn nhau</p> <p>*Chủ động sơ tán</p>	<p>bị ngập, bị sập</p> <p>*Ghe, thuyền bị vỡ, trôi, ngư cụ bị mất</p>	
7	Mỹ Hòa	<p>VẬT CHẤT</p> <p>*Phương tiện đánh bắt thô sơ, xuống cấp, thiếu bộ đàm theo dõi cảnh báo</p> <p>*20 nhà ở vùng nguy cơ cao, 5 nhà thiếu kiên cố, 15 nhà bán kiên cố</p> <p>*Thôn có 59 nhà xuống cấp là vùng không an toàn khi có bão</p>	<p>VẬT CHẤT</p> <p>*Toàn thôn có 4 nhà kiên cố</p> <p>TC-XH</p> <p>*Thôn đã có tiểu ban PCTT, có đôi xung kích</p> <p>*Có nơi neo đậu tàu thuyền an toàn</p> <p>NT, KN</p> <p>Một số hộ dân biết gia cố chằng chống</p>	<p>*Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ .</p> <p>*Người chết, bị thương, mất tích, tài sản bị mất, nhà cửa bị ngập, bị sập</p> <p>*Ghe, thuyền bị vỡ, trôi, ngư cụ bị mất</p>	Cao

		<p>TC-XH *Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá nhân *Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH *Chưa được diễn tập PCTT hàng năm *Nhiều đối tượng DBTT</p> <p>KN,TD *Lực lượng xung kích thiếu kỹ năng *Tư tưởng chủ quan còn nhiều *Một số người chưa tuân thủ lệnh cấm ra biển, cấm ra sông khi có bão, lũ</p>	<p>nhà cửa trước mùa thiên tai *Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai *Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai Người dân có tinh thần giúp đỡ lẫn nhau *Chủ động sơ tán</p>	
--	--	--	--	--

15. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngập lụt, bão	Nhất Đông		<p>TCXH: *Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp *Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian tham gia ít *Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp *Nữ là lực lượng chính thu hoạch chạy lũ *Tỷ lệ nữ đứng tên trong sổ đỏ thấp</p> <p>NT/KN: *60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới *Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin *Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT *Phần lớn phụ nữ không biết bơi *Chưa được tập huấn PCTT, SCC</p>	<p>TCXH: *Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế *Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai</p> <p>NT/KN: *Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo *Vận động con em đến trường sau thiên tai *Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại *Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp</p>	*Nguy cơ đuối nước *Không dám tiếp cận công việc *Mất quyền quản lý tài sản *Mắc bệnh phụ khoa tăng	Cao TB Cao Cao
	Nhì Đông		<p>TCXH: *Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp *Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian tham gia ít *Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp *Nữ là lực lượng chính thu hoạch chạy lũ *Tỷ lệ nữ đứng tên</p>	<p>TCXH: *Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế *Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai</p> <p>NT/KN: *Vận động nhân</p>	*Nguy cơ đuối nước *Không dám tiếp cận công việc *Mất quyền quản lý tài sản *Nguy cơ mắc bệnh	Cao TB Cao Cao

			<p>trong số đó thấp</p> <p>*NT/KN:</p> <p>*60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới</p> <p>*Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin</p> <p>*Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT</p> <p>*Nữ không biết bơi cao</p> <p>*Chưa được tập huấn PCTT, SCC</p>	<p>dân sơ tán khi có thông báo</p> <p>*Vận động con em đến trường sau thiên tai</p> <p>*Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại</p> <p>*Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp</p>	<p>phụ khoa tăng</p>	
	Nhất Tây		<p>TCXH:</p> <p>*Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp</p> <p>*Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian tham gia ít</p> <p>*Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp</p> <p>*Nữ là lực lượng chính thu hoạch chạy lũ</p> <p>*Tỷ lệ nữ đứng tên trong sổ đỏ thấp</p> <p>NT/KN:</p> <p>*60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới</p> <p>*Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin</p> <p>*Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT</p> <p>*Nữ không biết bơi cao</p> <p>*Chưa được tập huấn PCTT, SCC</p>	<p>TCXH:</p> <p>*Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế</p> <p>*Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai</p> <p>NT/KN:</p> <p>*Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo</p> <p>*Vận động con em đến trường sau thiên tai</p> <p>*Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại</p> <p>*Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp</p>	<p>*Nguy cơ đuối nước</p> <p>*Không dám tiếp cận công việc</p> <p>*Mất quyền quản lý tài sản</p> <p>*Nguy cơ mắc bệnh phụ khoa tăng</p>	<p>Cao</p> <p>TB</p> <p>Cao</p> <p>Cao</p>
		Nhì Tây		<p>TCXH:</p> <p>*Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp</p> <p>*Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian tham gia ít</p> <p>*Tỷ lệ nữ tham gia</p>	<p>TCXH:</p> <p>*Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế</p> <p>*Nữ là lực lượng chính tham gia vào</p>	<p>*Nguy cơ đuối nước</p> <p>*Không dám tiếp cận công việc</p> <p>*Mất</p>

		<p>trong bộ máy chính quyền thấp</p> <p>*Nữ là lực lượng chính thu hoạch chạy lữ</p> <p>*Tỷ lệ nữ đứng tên trong sổ đỏ thấp</p> <p>NT/KN:</p> <p>*60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới</p> <p>*Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin</p> <p>*Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT</p> <p>*Nữ không biết bơi cao</p> <p>*Chưa được tập huấn PCTT, SCC</p>	<p>công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai</p> <p>NT/KN:</p> <p>*Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo</p> <p>*Vận động con em đến trường sau thiên tai</p> <p>*Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại</p> <p>*Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyền góp</p>	<p>quyền quản lý tài sản</p> <p>*Mắc bệnh phụ khoa tăng</p>	Cao
	Giáp Nam	<p>*Vật chất</p> <p>*Thuyền ghe không an toàn</p> <p>*Không có áo phao, phao bơi khi đánh cá</p> <p>TCXH:</p> <p>*Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp</p> <p>*Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian tham gia ít</p> <p>*Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp</p> <p>*Nữ là lực lượng chính thu hoạch chạy lữ</p> <p>*Tỷ lệ nữ đứng tên trong sổ đỏ thấp</p> <p>NT/KN:</p> <p>*60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới</p> <p>*Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin</p> <p>*Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT</p> <p>*Phần lớn phụ nữ không</p>	<p>TCXH:</p> <p>*Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế</p> <p>*Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai</p> <p>NT/KN:</p> <p>*Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo</p> <p>*Vận động con em đến trường sau thiên tai</p> <p>*Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại</p> <p>*Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyền góp</p>	<p>*Nguy cơ đuối nước</p> <p>*Không dám tiếp cận công việc</p> <p>*Mất quyền quản lý tài sản</p> <p>*Mắc bệnh phụ khoa tăng</p>	Cao TB Cao Cao

			biết bơi *Chưa được tập huấn PCTT, SCC			
	Tân Hòa		TCXH: *Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp *Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian tham gia ít *Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp *Nữ là lực lượng chính thu hoạch chạy lũ *Tỷ lệ nữ đứng tên trong sổ đỏ thấp NT/KN: *60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới *Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin *Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT *Nữ không biết bơi cao *Chưa được tập huấn PCTT, SCC	TCXH: *Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế *Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai NT/KN: *Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo *Vận động con em đến trường sau thiên tai *Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại *Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quần góp	*Nguy cơ đuối nước *Không dám tiếp cận công việc *Mất quyền quản lý tài sản *Mắc bệnh phụ khoa tăng	Cao TB Cao Cao
	Mỹ Hội		TCXH: *Tỷ lệ nữ tham gia công tác PCTT thấp *Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian tham gia ít *Tỷ lệ nữ tham gia trong bộ máy chính quyền thấp *Nữ là lực lượng chính thu hoạch chạy lũ *Tỷ lệ nữ đứng tên trong sổ đỏ thấp NT/KN: *60% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của	TCXH: *Có 01 nữ tham gia đội xung kích, 01 nữ tham gia lực lượng y tế *Nữ là lực lượng chính tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai NT/KN: *Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo *Vận động con em đến trường sau	*Nguy cơ đuối nước *Không dám tiếp cận công việc *Mất quyền quản lý tài sản *Mắc bệnh phụ khoa tăng	Cao TB Cao Cao

			<p>nam giới</p> <ul style="list-style-type: none">*Chưa mạnh dạn, thiếu tự tin*Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT*Nữ không biết bơi cao*Chưa được tập huấn PCTT, SCC	<p>thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none">*Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại*Có khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động quyên góp		
--	--	--	---	---	--	--

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp**1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH**

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Đê có thể bị vỡ	<ul style="list-style-type: none">- Đê yếu: thân đê mỏng, cao trình đê thấp; chưa được gia cố, bảo vệ đê;- Công tác hộ đê còn chưa đảm bảo- Lực lượng hộ đê còn mỏng, chưa có kỹ năng; phương tiện chưa đáp ứng được nhu cầu hộ đê;- Chưa phát hiện kịp thời các nguy cơ, sự cố trên thân đê	<p>Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê điều.</p> <p>Xây dựng, nâng cấp, gia cố lớp bảo vệ thân đê.</p> <p>Tăng cường lực lượng hộ đê,</p> <p>Tập huấn các kỹ năng- kiến thức cần thiết trong công tác hộ đê.</p> <p>Tăng cường, bổ xung phương tiện đáp ứng nhu cầu hộ đê.</p> <p>Tăng cường kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời sự cố trên thân đê</p>
2	Nhà bị đổ, trôi, ngập, hư hỏng	<ul style="list-style-type: none">- Nhà ở vùng nguy cơ cao do thiếu đất ở quy hoạch,- Do còn thiếu hiểu biết về thiên tai và biến đổi khí hậu c- Do phong tục tập quán của người dân- Nhà chưa an toàn, nhà cấp 4 đã xuống cấp do không tu bổ nâng cấp thường xuyên,- Không chằng chống đúng kỹ thuật- Chưa có điều kiện làm lại nhà mới kiên cố đảm bảo yêu cầu chống bão, lụt- Chất lượng vật tư xây nhà chưa đảm bảo do không tìm được nguồn vật liệu tốt	<p>Quy hoạch lại đất ở tại vùng an toàn,</p> <p>Tăng cường nâng cao nhận thức cho người dân về thiên tai và biến đổi khí hậu.</p> <p>Xây mới, nâng cấp những nhà xuống cấp.</p> <p>Tập huấn cho bà con kỹ năng về chằng chống nhà cửa, đảm bảo an toàn.</p> <p>Tìm kiếm, giới thiệu nguồn vật liệu tốt, đảm bảo chất lượng cũng như giá thành để bà con xây nhà an toàn</p>
3	Thuyền ghe, ngư lưới cụ bị mất	<p>150 thuyền, ghe đánh bắt thủy hải sản trên biển trên sông.</p> <p>300 người có nguy cơ chịu ảnh</p>	<p>Tăng cường, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc, tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi hoạt</p>

		<p>hưởng khi xảy ra thiên tai</p> <p>Thiếu thông tin liên lạc, thông tin chưa kịp thời khi có thời tiết xấu, tàu giã cào hoạt động làm mất ngư lưới cụ cũng như ảnh hưởng tới môi trường biển.</p> <p>Nhận thức của người dân về hoạt động đánh bắt và PCTT còn chưa cao</p>	<p>động của các tàu giã cào.</p> <p>Tập huấn nâng cao năng lực PCTT cho người dân.</p>
--	--	--	--

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn	Dài hạn)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Tăng cường tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức cộng đồng Tăng cường năng lực ứng phó cho phụ nữ, trẻ em Gia cố, nâng cấp đê Nâng cao khả năng bảo vệ an toàn thuyền, ghe, ngư cụ cho ngư dân	Các thôn vùng lũ và tất cả các thôn đối với bão Các thôn, trường học	Chủ động sơ tán và có phương án sơ tán cụ thể Cảnh báo dựa vào cộng đồng, thông báo cho thôn, trên loa truyền thanh của xã Nghiêm cấm đánh bắt hải sản khi có bão và lũ đối với ghe đánh bắt trên sông Nâng cấp gia cố đê Tập bơi cho phụ nữ và trẻ em Tập huấn về PCTT cho cộng đồng	X	X	Cộng đồng
Hạ tầng công cộng	Sửa chữa nâng cấp hạ tầng và công trình PCTT	-Tây hòa Xuân - Đê quai Khu Mỹ Hòa-Tân	Sửa chữa nâng cấp trạm bơm Nâng cấp 0,4km đê đất và gia cố 1,5 km đê nguy cơ cao Nâng cấp 2km đường đê đạt chuẩn	X X X		Tỉnh, huyện Tỉnh, huyện CĐ

		Hội Khu Mỹ Hòa Nội đồng	-Sửa cầu Cứng hóa đường nội đồng	X X	x	CD CD
Nhà ở	Nâng cao khả năng chống chịu thiên tai và BĐKH cho các hộ DBTT	Trong toàn xã	Làm mới nhà cho các hộ nghèo và hộ vùng nguy cơ cao có nhà thiếu an toàn và nhà tạm	X	x	CD, nhà nước và dự án
Giáo dục	Tăng cường an toàn cho GV,HS	Trường THCS	Làm mới 3 phòng học	X		CD, nhà nước
Trồng trọt	Xây dựng và triển khai đề án phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, sản xuất nông nghiệp sạch gắn với cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị gia tăng bền vững	đồng nội điền Ô đồng ,Tây Hòa Xuân	- Triển khai sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng VietGAP 115 ha, -Sản xuất lúa thương phẩm 50 ha giống lúa T10 tại vùng ruộng – -- Sản xuất lúa hữu cơ 31 ha - Mở rộng diện tích trồng rau trên cát, khai thác có hiệu quả mô hình trồng rau VietGAP công nghệ cao để tiếp tục nhân rộng diện tích , phấn đấu 100% hộ trồng rau - Tập huấn về quy trình	x	x	CD

			<p>sản xuất rau an toàn</p> <p>- Mở rộng diện tích trồng nghệ đất sản xuất lúa kém hiệu quả</p>			
Chăn nuôi	<p>Phát triển, nâng cao chất lượng đàn bò, cải tạo chất lượng đàn theo hướng Sinh hóa. Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại theo mô hình CP gia trại, xa khu dân cư theo quy hoạch.</p>	Toàn xã	<p>- Phát triển đàn bò về số lượng, cải tiến chất lượng.</p> <p>- Phát triển diện tích trồng cỏ kết hợp với việc chăn nuôi có quản lý chăn thả.</p> <p>-Đẩy mạnh chương trình nạc hoá đàn lợn,</p> <p>- Khuyến khích và tạo điều kiện chăn nuôi lợn nái lai F1 và lợn nái ngoại, lợn thịt, gà vịt theo quy mô gia trại, trang trại</p>	<p>X</p> <p>X</p> <p>x</p> <p>x</p>	<p>X</p> <p>x</p> <p>x</p>	<p>CD+ Nhà nước</p> <p>CD</p> <p>CD</p> <p>CD</p>
Thủy sản	<p>Triển khai đồng bộ các giải pháp để từng bước khắc phục hậu quả sự cố môi trường biển. Song song với chuyển đổi nghề nghiệp cho bà con ngư dân</p>	Toàn xã	<p>-Thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu nuôi thủy sản theo hướng tập trung gắn với tiêu thụ sản phẩm;</p> <p>- Hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản. Đối với nuôi</p>	<p>X</p> <p>X</p>	<p>X</p>	<p>CD+NN</p> <p>CD+NN</p>

			<p>tôm trên cát:</p> <p>+ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm dịch chất lượng tôm giống một cách chặt chẽ.</p> <p>- Phối hợp với huyện tăng cường hướng dẫn, kiểm tra chất lượng con giống</p> <p>- Nhân rộng mô hình khai thác thủy sản bằng màn đèn cải tiến và một số nghề khai thác truyền thống có hiệu quả kinh tế.</p> <p>- Chỉ đạo khai thác với mắc lưới nò sáo, nghề đáy, lưới rê,... đảm bảo đúng theo Quy chế quản lý khai thác thủy sản.</p> <p>- Ưu tiên hỗ trợ vốn tín dụng để đầu tư trang thiết bị khai thác có hiệu quả.</p> <p>- Tiếp tục tuyên truyền, vận động chuyển đổi ngành, nghề đối với các hộ tham gia khai thác thủy sản bằng nghề cắm</p>	X		CD+NN
				X		CD+NN
				X		CD+NN
						NN
				X		CD+NN

			Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm	X		CD
				X		CD
Du lịch						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tăng cường hệ thống thông tin liên lạc, truyền thông và cảnh báo sớm	Toàn xã	Làm mới các cột điện đã xuống cấp	X	x	CD
			Mua sắm loa cầm tay	X		CD
			Sửa chữa, thay mới một số loa đã hư hỏng	X		CD
			Thống nhất tín hiệu cảnh báo cho tình huống khẩn cấp	X		CD
			Cắm biển cảnh báo nơi, điểm nguy hiểm	X		CD
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Tăng cường năng lực PCTT cho phụ nữ và trẻ em	Toàn xã	- Tăng thành phần nữ trong công tác PCTT cũng như các vị trí then chốt về Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể - Mở các lớp tập huấn giành riêng	X	x	CD+NN

			cho nữ	X		CĐ+NN
			- Mở lớp tập bơi cho phụ nữ và trẻ em	X		+HT CĐ+NN+ ht

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Đợt đánh giá đã giúp cho cán bộ xã và nhân dân có thêm kiến thức, có được những thông tin cụ thể để xây dựng được kế hoạch PCTT của xã.

Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã

TM UBND Xã

(đã ký)

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ Tên	Giới tính	SĐT
1	Lê Trung Hiếu	Nam	01297038424
2	Hồ Văn Hùng	Nam	016843953551
3	Nguyễn Hữu Hué	Nam	0935351567
4	Nguyễn Khắc Lộc	Nam	01633532350
5	Lê Quang Thái	Nam	01234757712
6	Lê Đại Quang	Nam	01655440932
7	Nguyễn Lý	Nam	0988135170
8	Hồ Ngọc Minh Phương	Nam	0979607770
9	Lê Quang Bảo	Nam	0906488422
10	Lê Văn Tấn	Nam	01683043934

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

2.1 LỊCH SỬ THIÊN TAI XÃ DIỄN LỘC

Năm xảy ra thiên tai	Loại thiên tai đã xảy ra	Xu hướng/ Đặc điểm thiên tai	Địa điểm chịu ảnh hưởng	Những Thiệt hại cụ thể, mức độ thiệt hại	Nguyên nhân dẫn đến thiệt hại	Biện pháp đã áp dụng và kinh nghiệm
1999	Ngập lụt	Kéo dài 10 ngày sâu từ 1-3m	Toàn xã trừ thôn Mỹ Hòa và Tân Hội	Toàn bộ nhà trong phạm vi ảnh hưởng bị ngập sâu từ 0,5m đến 3m, trôi 10	Không di chuyển kịp Nhà ở vị trí gần nơi đê vỡ	Cảnh báo kịp thời Tuyên truyền tới người dân Có sự hỗ

				<p>nhà. Tài sản, lương thực, vật nuôi bị trôi mất 100%</p> <p>100% hoa màu bị ngập úng</p> <p>Đê Khe làng bị vỡ 200m</p> <p>Dịch bệnh xảy ra</p>	<p>Đê yếu</p> <p>Do sử dụng nước lụt</p>	<p>trợ từ nhiều cấp và từ các tổ chức sau thiên tai</p> <p>Tổ chức sơ tán kịp thời</p> <p>Người dân có nhiều ghe thuyền</p>
2016	<p>Áp thấp nhiệt đới</p> <p>Ngập lụt</p>	<p>Gió cấp 7, giật cấp 10</p> <p>Kéo dài 2h, kèm mưa to và nước biển dâng</p>	Toàn xã	<p>Nhà bị tốc mái 11 nhà</p> <p>Hoa màu thiệt hại 1 ha</p> <p>Đê bao bị vỡ 15m</p>	<p>Nhà lợp bằng tấm lợp, chằng chống không đúng kỹ thuật.</p> <p>Nhà gần sát ven biển.</p> <p>Đê yếu chưa được kiên cố</p> <p>-Rau màu trũng mùa thiên tai</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, vận động người dân - Trực tiếp chỉ đạo. - Trực 24/24 - Chỉ đạo chằng chống nhà - cấm thuyền ghe ra biển, sông đánh cá - Hỗ trợ kịp thời hộ bị thiệt hại
2017	Ngập lụt	Chậm	Nhất Đông,	Hoa màu	Gieo trồng	Xã chỉ đạo

		Sâu từ 0.5 tới 1m kéo dài 3 ngày	Nhi Đông, Nhất Tây, Nhi Tây, Giáp Nam	thiệt hại 12 ha. 27 nhà bị ngập từ 0.3 tới 0.5 m . Thủy sản bị thiệt hại 10 lồng	không đúng mùa vụ (trái vụ). Nằm trong vùng trũng, ở ven sông. Thu hoạch chậm, chủ quan	từng thôn, có cảnh báo. Một số hộ thu hoạch chạy lũ vĩa chằng chống nhà Xã đã hỗ trợ kịp thời
Liên tiếp nhiều năm từ 2014 đến 2018	Nắng nóng	Nhiệt độ 39-40 độ C kéo dài 7-15 ngày	Toàn xã	ảnh hưởng tới sức khỏe người dân và gián đoạn các hoạt động	Thiếu phương tiện làm mát	- Tuyên truyền , khuyến cáo người dân cách bảo vệ sức khỏe - Chuyên đêm thành ngày để làm việc

2.2 . Lịch theo mùa

Thiên tai	Tháng												Xu hướng của thiên tai/BĐKH							
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12								
Ngập lụt																		Nhiều hơn, không sâu hơn trước		
Bão, ATNĐ																		Nhiều hơn, cấp độ không đổi		
Nắng nóng																		Nhiều hơn, nhiệt độ cao hơn, kéo dài nhiều ngày hơn		
Rét hại																		Nhiệt độ thấp hơn, kéo dài hơn		
Lốc xoáy																		Nhiều hơn, mạnh hơn		
Sét																		Bình Thường		
Hoạt động kinh tế xã hội	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai	Nguyên nhân bị ảnh hưởng	Các biện pháp giảm nhẹ					
Lúa đông xuân (gieo mạ - nữ 10% nam 90%; làm đất bằng cơ giới hóa; chăm sóc nam/ nữ 50/50%; thu hoạch đã cơ giới hóa)																		Mạ mới gieo bị chết hoặc chậm phát triển khi có rét hại	Chưa chủ động điều tiết nước, bón phân chưa đúng yêu cầu	Tuyên truyền cảnh báo, gieo cấy lại, dự phòng giống
Lúa hè thu (gieo mạ - nữ 10% nam 90%; làm đất bằng cơ giới hóa; chăm sóc nam/ nữ 50/50%; thu hoạch đã cơ giới hóa)																		Lúa chậm phát triển do nắng nóng	Chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nắng nóng	Xây dựng lịch phù hợp kịp thời, tăng cường chăm sóc

<p>Hoa màu nữ 80%</p>						<p>Rét, nắng nóng làm hoa màu chậm phát triển, hoa màu bị thiệt hại do bão lụt</p>	<p>Thu hoạch không kịp Mùa vụ trùng thiên tai</p>	<p>Xây dựng lịch phù hợp, áp dụng công nghệ cao vào sản xuất. Tránh mùa thiên tai</p>
<p>Đánh bắt hải sản (100% nam)</p>						<p>Bão, ATNĐ, Lốc có thể làm đắm thuyền ghe, mất ngư lưới cụ, chết người</p>	<p>Các phương tiện thô sơ, công suất nhỏ không an toàn, thiếu áo phao</p>	<p>Thông báo kịp thời Lệnh cấm đánh bắt khi có bão, ATNĐ</p>
<p>Đánh bắt thủy sản (50% nam 50% nữ)</p>						<p>Bão, ATNĐ, Lốc có thể làm đắm ghe, mất ngư lưới cụ, chết người Người dân chủ quan, háms lợi</p>	<p>Các phương tiện thô sơ, công suất nhỏ không an toàn, thiếu áo phao</p>	<p>Thông báo kịp thời Lệnh cấm đánh bắt khi có bão, ATNĐ</p>
<p>Nuôi thủy/hải sản (bảo vệ 100% nam; chăm sóc 80% nam 20% nữ, thu hoạch 50% nam 50% nữ</p>						<p>Rét hại, nắng nóng làm tăng dịch bệnh con nuôi Bão, lũ làm vỡ lồng nuôi, tràn bờ đê, mất con nuôi</p>	<p>Người dân chủ quan Lũ về nhanh thu hoạch không kịp Kỹ năng</p>	<p>Tập huấn kỹ năng nuôi trồng thủy hải sản Quản lý chặt việc phát triển lồng bè Thường xuyên</p>

			nuôi trồng chưa tốt Lồng bè không kiên cố	tuyên truyền Chuyển, neo lồng bè vào nơi an toàn
Chăn nuôi 70% nữ		Rét làm vật nuôi mắc nhiều bệnh dịch Bão làm đổ chuồng trại Lũ , lụt làm chết, trôi vật nuôi	Kỹ năng chăm sóc hạn chế Chuồng trại tạm bợ,thiếu an toàn, không hợp vệ sinh Chuồng trại ở vùng trũng	Tăng chăm sóc, che chuồng trại Sửa sang gia cố chuồng trại Tuyên truyền phòng bệnh Tiêm chủng
Kinh doanh dịch vụ(nữ 05%)		Ngập lụt làm hư hỏng hàng hóa Bão làm chợ hư hại Không còn chỗ buôn bán	Chợ đã xuống cấp,, mái lợp tầm lợp không an toàn Vị trí chợ nơi thấp trũng, thiếu hệ thống công rãnh thoát	Thông báo sớm cho các hộ

			nước	
Trồng sen		Lũ sớm làm sen chết		Sen chết

2.3. ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU

STT	Lĩnh Vực	Điểm Mạnh	Điểm Yếu
1	Năng lực bộ máy	Có xây dựng kế hoạch PCTT; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên ban chỉ huy PCTT tại xã và thôn. Các tổ chức, đoàn thể xã thông tin kịp thời tới người dân	Vẫn còn chủ quan trong công tác PCTT
2	Hệ thống thôn tin cảnh báo	Hệ thống thông tin truyền thông toàn xã có 19 cụm loa(tổng cộng 40 loa) phát đều đặn tại khung giờ phù hợp với người dân. Cán bộ thôn nhiệt tình trong công tác PCTT. Đường dây hệ thống tốt, truyền thông tin đạt 90%	Chưa có loa cầm tay, phương tiện thô sơ, vị trí đặt loa còn chưa phù hợp (ngược hướng gió dẫn tới giảm hiệu quả)
3	Công trình phòng chống thiên tai	Công sở, trường học, nhà thờ đều kiên cố có thể làm nơi trú ẩn an toàn, có 2.5 km đường nhựa quốc lộ 49B; 5km đường xã, 12km đường thôn đã bê tông hóa. 1,5km đường nội đồng đã bê tông hóa. 4 trạm bơm hoạt động tiêu thoát nước tốt. 8 cống dưới đê hoạt động tốt, 10km đê bao mới duy tu có thể chịu được lũ tiểu mãn , 6km mương đã kiên cố các cầu trên đường giao thông đa phần tốt. 10km đê sông Ô Lâu (Tả, Hữu tốt).	Còn 2km đường tại Mỹ Hòa, Tân Hội chưa đạt chuẩn, còn hẹp. 5.5km đường nội đồng là đường đất. 500m đê Hói Dương, 600m đê ô tân canh, 450m đê Hói Đuối yếu cần duy tu, nâng cấp. Trạm bơm bên Ông Minh đã xuống cấp, Trạm bơm cây đa hồng bể hút xả, 3km mương chưa kiên cố hóa, cầu thôn Mỹ Hòa hồng đang trong quá trình sửa chữa hiện chưa có đường cứu hộ, cứu nạn

		5km điện hạ thế, 6 trạm biến thế mới sửa chữa, hoạt động tốt. 100% người dân dùng điện,	
4	Phương châm” 4 tại chỗ “	*Có thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ *Chỉ huy tại chỗ: cử lực lượng về thôn bình quân 2 người/ thôn *Lực lượng tại chỗ : lực lượng từ 10 người trở lên tùy thuộc vào điều kiện dân số của mỗi thôn	*Một số bà con còn chủ quan, vật tư tại chỗ còn rất thiếu *Hậu cần còn thiếu đèn pin, áo mưa còn thiếu, áo phao và loa cầm tay cũng còn thiếu cần được bổ xung
5	Nhận thức, kinh nghiệm, ý thức của người dân về PCTT	*Đa số người dân có ý thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai và chấp hành tốt khi xảy ra thiên tai.	*Một số người dân còn chưa chấp hành sơ tán do đó cần cưỡng chế di dời, một số bà con còn chủ quan.

2.4. TỔNG HỢP KẾT QUẢ BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI

Thiên tai	Xu hướng thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
Bão nước biển dâng	Mạnh hơn, phức tạp hơn	-Có 230 hộ sát biển, 5 nhà ven suối -có 143 thuyền ghe thường xuyên đánh bắt trên biển, trên sông, đằm phương tiện kém, thiếu hệ thống thông tin liên lạc, thiếu áo phao, phao cứu sinh - người dân còn chủ quan - có 58 nhà thiếu an toàn, nhà cấp 4 xuống cấp - nhiều đối tượng DBTT -12ha màu trũng mùa thiên tai - hiểu biết của người dân về	-có BCH PCTT-TKCN từ xã đến thôn - Có lực lượng xung kích từ xã đến thôn là 86 người -Có 1325 nhà kiên cố - Có các điểm sơ tán tập trung an toàn như công sở, nhà thờ, trường học - có bến đậu ghe , thuyền an toàn	- nhà đồ, trôi, tốc mái - phương tiện và ngư lưới cụ bị hư hỏng bị mất - Rau màu bị mất - Rừng phòng hộ bị gãy đổ nhiều -

		<p>thiên tai, cảnh báo thiên tai, cách phòng chống còn hạn chế</p> <p>-</p>		
Lũ,Ngập lụt	Nhiều hơn, mức độ không thay đổi nhiều	<ul style="list-style-type: none"> -150 hộ thôn Giáp Nam, 18 hộ khu vực các bến nhất Đông, Nhì Đông, Nhất tây, Nhì tây ở vùng trũng thấp - 30 ha thôn nhất Đông, 25 ha thôn Nhì Đông, 20 ha Nhất tây, 15 ha Nhì tây, 40ha thôn Giáp nam trũng thấp - 500m đê Hối Dương và 600m đê vùng ô tân canh, 450m đê Hối đười yếu - 3km mương chưa kiên cố - thiếu 01 trạm bơm tây bến cây đa - Cầu thôn mỹ hòa bị hỏng - Trạm bơm ông Minh đã xuống cấp - trạm bơm Cây Đa đã hỏng bể hút xả - 5,5 km đường nội đồng là đường đất đi lại khó khăn khi ngập lụt - có lồng bè cá trên sông, lồng yếu - Lực lượng hộ đê thiếu kỹ năng và phương tiện 	<ul style="list-style-type: none"> -10km tả hữu sông Ô Lâu đã được kên cố hóa - 10km đê bao có thể chịu được lũ tiểu mãn - 6km mương đã được kiên cố hóa - 1,5 km nội đồng đã được cứng hóa - các cống dưới đê hoạt động tốt - Hầu hết các hộ vùng trũng đều có ghe - địa phương đã chuyển đổi mùa vụ, cây trồng phù hợp - có lồng bè cá trên sông, lồng yếu - Tuyên truyền, cảnh báo tốt - Có phương án sơ tán và triển khai sơ tán kịp thời, an toàn <p>Trực 24/24</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cứu hộ đê kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Đê bị vỡ - lúa, màu bị mất - Gia súc, gia cầm chết, trôi -Đường bị hư hỏng - thủy hải sản bị mất - Học sinh phải nghỉ học - nhà bị ngập, bị trôi, bị hư hại - Phương tiện đ trênánh bắt nuôi thủy sản bị hư hại
Sét	Nhiều hơn	<ul style="list-style-type: none"> -Hiểu biết của người dân về sét và các biện pháp phòng, chống sét còn hạn chế - hệ thống điện toàn xã có 5 	<ul style="list-style-type: none"> Các nhà cao tầng làm cột thu lôi 	<ul style="list-style-type: none"> -hệ thống điện bị hư hại - các phương tiện

		máy biến áp		dùng điện bị cháy - người bị chết
--	--	-------------	--	--

2.5 . TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Rủ ro thiên tai
Bão nước biển dâng	Mạnh hơn, phức tạp hơn	<p>* Lĩnh vực an toàn cộng đồng</p> <p>+ Vật chất/ vật lý</p> <p>Có 230 hộ sát biển,</p> <p>- Có 50 nhà thiếu an toàn, nhà cấp 4 xuống cấp, nhà tạm</p> <p>Toàn xã có 23 hộ = 86 khẩu hộ cần phải sơ tán khẩn cấp khi có lũ; 210 hộ = 596 khẩu cần phải sơ tán khẩn cấp khi có bão;</p> <p>- Chưa có đường cứu hộ, cứu nạn</p> <p>Vật tư tại chỗ còn rất thiếu</p> <p>- Thiếu đèn pin, áo mưa còn thiếu, áo phao và loa cầm tay cũng còn thiếu cần được bổ xung</p> <p>+ Tổ chức xã hội</p> <p>- Nhiều đối tượng DBTT</p> <p>- Xã có trên 1000 người đi làm ăn xa hầu hết là lực PCTT cho các hộ vì vậy khi thiên tai xảy ra thiếu lực lượng ứng cứu tại chỗ</p> <p>Chưa có loa cầm tay,</p>	<p>*Lĩnh Vực ATCD</p> <p>VẬT CHẤT/VL</p> <p>Có hệ thống loa truyền thanh gồm cụm loa với...loa</p> <p>-Có 1325 nhà kiên cố= 88,98% là các điểm sơ tán tại chỗ an toàn</p> <p>- Có các điểm sơ tán tập trung an toàn như công sở, nhà thờ, trường học</p> <p>Tổng chiều dài đường giao thông toàn xã là 31,9 km, trong đó</p> <p>Đường liên xã, trục xã 7km, đường nhựa và bê tông 100%</p> <p>Đường trục thôn, iên thôn 3,7km bê tông hóa 100%</p> <p>Đường trục xóm 7,2km đã bê tông hóa 100%</p> <p>Đường chính nội đồng 14km mới được cứng hóa 1,5km</p> <p>100% Chiều dài đường bộ có hệ thống tiêu thoát nước;</p> <p>- Đê tả, hữu sông Ô âu 10 km đã kiên cố hóa</p> <p>Đường dây hệ thống thông tin cảnh báo tốt, truyền thông tin đạt 90%</p>	<p>Nhà đổ, trôi, tốc mái</p> <p>- Phương tiện và ngư lưới cụ bị hư hỏng bị mất</p> <p>- Rau màu bị mất</p> <p>- Rừng phòng hộ bị gãy đổ nhiều</p> <p>-</p>

	<p>phương tiện thô sơ, vị trí đặt loa còn chưa phù hợp (ngược hướng gió dẫn tới giảm hiệu quả)</p> <p>+TĐ/ĐC</p> <p>Người dân còn chủ qua</p> <p>Hiểu biết của người dân về thiên tai, cảnh báo thiên tai, cách phòng chống còn hạn chế</p> <p>Một số người dân còn chưa chấp hành sơ tán do đó cần cưỡng chế di dời, một số bà con còn chủ quan</p> <p>*Sản xuất kinh doanh</p> <p>+ Vật chất</p> <p>- 1500 m đê không an toàn</p> <p>-Có 150 thuyền ghe thường xuyên đánh bắt trên biển, trên sông, đầm phương tiện kém, thiếu hệ thống thông tin liên lạc, thiếu áo phao, phao cứu sinh</p> <p>-613ha mâu thuẫn mùa thiên tai</p> <p>Trạm bơm ông Minh đã xuống cấp, trạm bẮC Nam Xuân phai bơm, xã đã hỏng</p> <p>+TC/XH</p> <p>- Xã có trên 1000 người đi làm ăn xa hầu hết là lực PCTT cho các hộ vì vậy khi thiên tai xảy ra thiếu</p>	<p>+ TC-XH</p> <p>có BCH PCTT-TKCN từ xã đến thôn</p> <p>- Có lực lượng xung kích từ xã đến thôn là 145 người</p> <p>Có xây dựng kế hoạch PCTT; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của thành viên ban chỉ huy PCTT tại xã và thôn.</p> <p>Các tổ chức, đoàn thể xã thông tin kịp thời tới người dân</p> <p>Có thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ</p> <p>Chỉ huy tại chỗ: cử lực lượng về thôn bình quân 2 người/ thôn</p> <p>TĐ/ĐC</p> <p>Cán bộ thôn nhiệt tình trong công tác PCTT</p> <p>* Lĩnh vực SX-KD</p> <p>+ VẬT CHẤT/VL</p> <p>- Có bến đậu ghe , thuyền an toàn</p> <p>- Hệ thống kênh mương: Hệ thống kênh mương tưới tiêu thủy lợi trên toàn xã có hơn 11,4km đã được cứng hóa 100%;</p> <p>- Trạm bơm 4 cái trong đó trạm</p> <p>- Hồ thủy lợi 3 cái</p> <p>+ TC/XH</p> <p>- Diện tích được tưới 322,7 ha=100%</p> <p>- Diện tích được tiêu 274 ha = 84,9%</p> <p>Hệ thống thông tin truyền thông toàn xã có 19 cụm loa(tổng cộng</p>	
--	---	--	--

		lực lượng ứng cứu tại chỗ	40 loa) phát đều đặn tại khung giờ phù hợp với người dân. KN,TĐ/ĐC Đa số người dân có ý thức, kinh nghiệm về phòng chống thiên tai và chấp hành tốt khi xảy ra thiên tai	
Lũ,Ngập lụt	Nhiều hơn, mức độ không thay đổi nhiều - Không sâu như trước.	*Lĩnh vực ATCĐ + VẬT CHẤT/VL -150 hộ thôn Giáp Nam, 18 hộ khu vực các bên nhất Đông, Nhì Đông, Nhất tây, Nhì tây ở vùng trũng thấp - 500m đê Hói Dương và 600m đê vùng ô tân canh, 450m đê Hói đười yếu - Cầu thôn mỹ hòa bị hỏng KN,TĐ/ĐC - Lực lượng hộ đê thiếu kỹ năng và phương tiện *Sản xuất kinh doanh *VẬT CHẤT/VL - 30 ha thôn nhất Đông, 25 ha thôn Nhì Đông, 20 ha Nhất tây, 15 ha Nhì tây, 40ha thôn Giáp nam trũng thấp - 3km mương chưa kiên cố - Thiếu 01 trạm bơm tây bên cây đa - Trạm bơm ông Minh đã xuống cấp	Lĩnh vực ATCĐ + VẬT CHẤT/VL -10km tả hữu sông Ô Lâu đã được kiên cố hóa - 10km đê bao có thể chịu được lũ tiểu mãn Lĩnh vực SX-KD +VẬT CHẤT/VL - có lồng bè cá trên sông, lồng yếu - 6km mương đã được kiên cố hóa - 1,5 km nội đồng đã được cứng hóa - các cống dưới đê hoạt động tốt - Âu thuyền đủ lớn cho ghe thuyền neo đậu. - Đã gia cố lồng bè nuôi cá. + TCXH Trực 24/24 - Cứu hộ đê kịp thời- - Kiểm tra, Gia cố, đê điều trước mùa mưa lũ. + KN, TĐ, ĐC - Hầu hết các hộ vùng trũng đều có ghe - Địa phương đã chuyển đổi mùa	- Đê bị vỡ - Gia súc, gia cầm chết, trôi -Đường bị hư hỏng - Học sinh phải nghỉ học - Nhà bị ngập, bị trôi, bị hư hại - Phương tiện đánh bắt nuôi thủy sản trên sông bị hư hại - Lúa, rau màu bị ngập, bị mất hoặc bị giảm năng suất. - Thủy hải sản bị, mất hoặc giảm năng suất - Bệnh dịch phát triển

		<ul style="list-style-type: none"> - Trạm bơm Nam Bắc Xuân đã hỏng bể hút xả - 5,5 km đường nội đồng là đường đất đi lại khó khăn khi ngập lụt - Bờ đầm nuôi tôm thấp dễ tràn - 20 ha nuôi tôm trên cát dễ bị ngập - 10ha trồng sen nuôi cá xen ghép, 50ha rau màu nằm trong vùng trũng dễ ngập úng. - Các hộ nuôi cá lồng bè có lồng nuôi không đảm bảo <p>+ TD- ĐC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ nuôi chủ quan SK-VSMT - Tôm không thích nghi với môi trường nước ngọt 	<ul style="list-style-type: none"> vụ, cây trồng phù hợp - Tuyên truyền, cảnh báo tốt - Có phương án sơ tán và triển khai sơ tán kịp thời, an toàn - Chủ động thay nước hồ nuôi tôm khi có lũ. - Đã dùng lưới bao quanh bờ đầm <p>* Lĩnh vực SK-VSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng chống dịch bệnh kịp thời cho tôm, cá 	
Nắng nóng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều hơn. - Nhiệt độ cao hơn. - kéo dài nhiều ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mùa vụ lúa trùng với các đợt nắng nóng, ảnh hưởng đến sự phát triển của cây lúa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động điều tiết nước sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến sự phát triển cây lúa, làm mất năng suất.
Rét hại	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ thấp hơn. - Thời gian kéo dài hơn. 	<p>* Lĩnh vực SX-KD VẬT CHẤT/VL</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạ mới gieo xạ, rau màu dễ bị chết hoặc chậm phát triển. - Gia súc, gia cầm dễ bị chết do rét 	<ul style="list-style-type: none"> - Có lịch sản xuất phù hợp. - Chăm sóc, che chắn chuồng trại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa, hoa màu bị chậm phát triển. - Gia súc gia cầm bị chết.
Lốc xoáy	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều hơn, mạnh hơn 	<ul style="list-style-type: none"> - Gây thiệt hại về người, nhà cửa, cây cối, rau màu. 		<ul style="list-style-type: none"> - Gây thiệt hại về người, nhà cửa, rau màu, cây cối
Sét	<ul style="list-style-type: none"> Nhiều hơn 	<ul style="list-style-type: none"> -Hiếu biết của người dân về sét và các biện pháp phòng, chống sét còn hạn 	<ul style="list-style-type: none"> Các nhà cao tầng làm cột thu lôi 	<ul style="list-style-type: none"> -hệ thống điện bị hư hại

	ché - hệ thống điện toàn xã có 5 máy biến áp		- các phương tiện dùng điện bị cháy - người bị chết
--	---	--	--

2.5 . Phân tích nguyên nhân

Rủi ro	Nguyên nhân	Giải pháp
Đê vỡ	Đê yếu: thân đê mỏng, cao trình đê thấp; chưa được gia cố, bảo vệ đê; Công tác hộ đê còn chưa đảm bảo; lực lượng hộ đê còn mỏng, chưa có kỹ năng; phương tiện chưa đáp ứng được nhu cầu hộ đê; chưa phát hiện kịp thời các nguy cơ, sự cố trên thân đê	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê điều. Xây dựng, nâng cấp, gia cố lớp bảo vệ thân đê. Tăng cường lực lượng hộ đê, tập huấn các kỹ năng- kiến thức cần thiết trong công tác hộ đê. Tăng cường, bổ xung phương tiện đáp ứng nhu cầu hộ đê. Tăng cường kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời sự cố trên thân đê
Nhà bị hư hỏng	-Nhà ở vùng nguy cơ cao do thiếu đất ở quy hoạch, do còn thiếu hiểu biết về thiên tai và biến đổi khí hậu cũng như do phong tục tập quán của người dân -Nhà chưa an toàn, nhà cấp 4 đã xuống cấp do không tu bổ nâng cấp thường xuyên, không chằng chống đúng kỹ thuật, chưa có điều kiện làm lại nhà mới kiên cố đảm bảo yêu cầu chống bão, lụt -Chất lượng vật tư xây nhà chưa đảm bảo do không tìm được nguồn vật liệu tốt	Quy hoạch lại đất ở tại vùng an toàn, tăng cường nâng cao nhận thức cho người dân về thiên tai và biến đổi khí hậu. Xây mới, nâng cấp những nhà xuống cấp, Tập huấn cho bà con kỹ năng về chằng chống nhà cửa, đảm bảo an toàn . Tìm kiếm, giới thiệu nguồn vật liệu tốt, đảm bảo chất lượng cũng như giá thành để bà con xây nhà an toàn
Thuyền ghe và ngư lưới cụ bị hư, hỏng, thiệt hại	24 thuyền, ghe đánh bắt hải sản. 60 người có nguy cơ chịu ảnh hưởng khi xảy ra thiên tai Thiếu thông tin liên lạc, thông tin chưa kịp thời khi có thời tiết xấu, tàu giã cào hoạt động làm mất ngư	Tăng cường, nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc, tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi hoạt động của các tàu giã cào. Tập huấn nâng cao năng lực PCTT cho người dân.

	lưới cụ cũng như ảnh hưởng tới môi trường biển. Nhận thức của người dân về hoạt động đánh bắt và PCTT còn chưa cao	
--	--	--

2.6. Kết quả xếp hạng như sau

Stt	Nội dung xếp hạng	MỹHòa,		Cụm 5 thôn		Toàn xã			Thứ tự ưu tiên
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng	
1	Chuẩn bị tốt nguồn lực theo phương châm “4 tại chỗ” và đảm bảo phòng ngừa ứng phó thiên tai	13	2	17	5	30	7	37	1
2	Nâng cao khả năng bảo vệ an toàn thuyền, ghe, ngư cụ cho ngư dân	17	2	8	1	25	3	28	3
3	Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong phòng chống thiên tai	6	0	18	4	24	4	28	2
4	Tăng cường năng lực PCTT cho phụ nữ và trẻ em	10	1	10	3	20	4	24	7
5	Sửa chữa nâng cấp hạ tầng và công trình PCTT	4	2	18	2	22	4	26	5
6	Nâng cao năng lực cho lực lượng cứu hộ, cứu nạn	10	1	12	1	22	2	24	6
7	Quy hoạch vùng sản xuất và chuyển đổi giống cây trồng	9	1	5	2	14	3	17	8
8	Tăng cường hệ thống thông tin liên lạc, truyền thông và cảnh báo sớm	10	1	12	3	22	4	26	4

2.7 . Bản đồ



3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá

